

SỞ GD & ĐT TỈNH ĐẮK NÔNG
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG PHAN ĐÌNH PHÙNG

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

ĐẮK NÔNG - 2023

SỞ GD & ĐT TỈNH ĐẮK NÔNG
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG PHAN ĐÌNH PHÙNG

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	Trần Văn Hiến	Hiệu trưởng	Chủ tịch Hội đồng	
2	Ngô Cự Quý	Phó hiệu trưởng	Phó Chủ tịch Hội đồng	
3	Nguyễn Đình Thức	Phó hiệu trưởng	Phó Chủ tịch Hội đồng	
4	Lê Thị Huệ	Giáo viên	Thư ký Hội đồng	
5	Lê Văn Lương	Chủ tịch BCH công đoàn	Ủy viên Hội đồng	
6	Lê Hữu Hùng	Bí Thư Đoàn thanh niên	Ủy viên Hội đồng	
7	Nguyễn Thị Bình	Phó Bí thư đoàn thanh niên	Ủy viên Hội đồng	
8	Nguyễn Văn Bồi	Tổ trưởng Tổ văn phòng	Ủy viên Hội đồng	

9	Nguyễn Thị Hương	Tổ trưởng Tổ chuyên môn	Ủy viên Hội đồng	
10	Huỳnh Thị Phượng	Tổ trưởng Tổ chuyên môn	Ủy viên Hội đồng	
11	Lê Tân Phong	Giáo viên	Ủy viên Hội đồng	
12	Nguyễn Văn Dũng	Giáo viên	Ủy viên Hội đồng	
13	Trần Thị Thương	Giáo viên	Ủy viên Hội đồng	
14	Lê Nguyễn Diệu Tiên	Văn Thư	Ủy viên Hội đồng	
15	Nguyễn Thị Trang	Y Tế	Ủy viên Hội đồng	
16	Hoàng Thu Phương	Nhân Viên	Ủy viên Hội đồng	

ĐẮK NÔNG - 2023

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
Mục lục	1
Danh mục các chữ viết tắt	4
Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá	5
Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU	7
Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ	14
A. ĐẶT VẤN ĐỀ	14
B. TỰ ĐÁNH GIÁ	20
I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2 VÀ 3	20
Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường	20
Mở đầu	20
Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường	20
Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác	22
Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường	23
Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng	26
Tiêu chí 1.5: Lớp học	27
Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản	29
Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên	31
Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục	32
Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở	34
Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học	35
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 1</i>	37

Tiêu chuẩn 2 : Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh	37
Mở đầu	37
Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng	37
Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên	40
Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên	41
Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh	43
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 2</i>	45
Tiêu chuẩn 3 : Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học	45
Mở đầu	45
Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, khu sân chơi, bãi tập	46
Tiêu chí 3.2: Phòng học	48
Tiêu chí 3.3: Khôi hành chính - quản trị	50
Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước	51
Tiêu chí 3.5: Thiết bị	52
Tiêu chí 3.6: Thư viện	54
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 3</i>	55
Tiêu chuẩn 4 : Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội	56
Mở đầu	56
Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh	56
Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường	58
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 4</i>	60
Tiêu chuẩn 5 : Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục	60
Mở đầu	60
Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông	60

Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện	623
Tiêu chí 5.3: Thực hiện nội dung giáo dục địa phương theo quy định	64
Tiêu chí 5.4: Các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp	65
Tiêu chí 5.5: Hình thành, phát triển các kỹ năng sống cho học sinh	67
Tiêu chí 5.6: Kết quả giáo dục	68
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 5</i>	71
Phần III. KẾT LUẬN CHUNG	71
Phần IV. PHỤ LỤC	73

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

STT	Cụm từ viết tắt	Cụm từ đầy đủ
1	✓	Mặc nhiên đạt mức 3 khi tiêu chí đạt mức 2.
2	CNTT	Công nghệ thông tin
3	BCH	Ban chấp hành
4	BHXH	Bảo hiểm Xã hội
5	BHYT	Bảo hiểm y tế
6	CBGVNV	Cán bộ, giáo viên, nhân viên
7	CBVC	Cán bộ viên chức
8	CLGD	Chất lượng giáo dục
9	CMHS	Cha mẹ học sinh
10	GD & ĐT	Giáo dục và đào tạo
11	GDQP-AN	Giáo dục Quốc phòng – An ninh
12	GVBM	Giáo viên bộ môn
13	GVCN	Giáo viên chủ nhiệm
14	HĐGD	Hoạt động giáo dục
15	HS	Học sinh
16	KĐCL	Kiểm định chất lượng
17	KT-XH	Kinh tế xã hội
18	QLGD	Quản lý giáo dục
19	SGK	Sách giáo khoa
20	TDTT	Thể dục thể thao
21	THPT	Trung học phổ thông
22	TNCS	Thanh niên cộng sản
23	UBND	Ủy ban nhân dân

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Kết quả đánh giá

1.1. Đánh giá tiêu chí Mức 1, 2 và 3

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1				
Tiêu chí 1.1		X	X	X
Tiêu chí 1.2		X	X	✓
Tiêu chí 1.3		X	X	X
Tiêu chí 1.4		X	X	X
Tiêu chí 1.5		X	X	X
Tiêu chí 1.6		X	X	X
Tiêu chí 1.7		X	X	✓
Tiêu chí 1.8		X	X	✓
Tiêu chí 1.9		X	X	✓
Tiêu chí 1.10		X	X	✓
Tiêu chuẩn 2				
Tiêu chí 2.1		X	X	X
Tiêu chí 2.2		X	X	X
Tiêu chí 2.3		X	X	X
Tiêu chí 2.4		X	X	X
Tiêu chuẩn 3				
Tiêu chí 3.1		X	X	X
Tiêu chí 3.2		X	X	
Tiêu chí 3.3		X	X	X

Tiêu chí 3.4		X	X	✓
Tiêu chí 3.5		X	X	
Tiêu chí 3.6		X		
Tiêu chuẩn 4				
Tiêu chí 4.1		X	X	X
Tiêu chí 4.2		X	X	X
Tiêu chuẩn 5				
Tiêu chí 5.1		X	X	X
Tiêu chí 5.2		X	X	X
Tiêu chí 5.3		X	X	✓
Tiêu chí 5.4		X	X	✓
Tiêu chí 5.5		X	X	X
Tiêu chí 5.6		X	X	X

Kết quả: Đạt Mức 1

1.2. Đánh giá tiêu chí Mức 4

Tiêu chí	Kết quả		Ghi chú
	Đạt	Không đạt	
Tiêu chí 1		X	
Tiêu chí 2		X	
Tiêu chí 3		X	
Tiêu chí 4		X	
Tiêu chí 5		X	
Tiêu chí 6		X	

Kết quả: Không đạt Mức 4

2. Kết luận: Trường đạt mức 1

7
Phần I
CƠ SỞ DỮ LIỆU

Tên trường (theo quyết định mới nhất): TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG PHAN ĐÌNH PHÙNG

Tên trước đây (nếu có):

Cơ quan chủ quản: Sở GD & ĐT tỉnh Đắk Nông

Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương	ĐẮK NÔNG
Huyện/quận /thị xã / thành phố	Huyện Đắk Song
Xã / phường/thị trấn	Xã Đắk Rung
Đạt CQG	
Năm thành lập trường (theo quyết định thành lập)	2010
Công lập	√
Tư thục	
Trường chuyên biệt	
Trường liên kết với nước ngoài	

Họ và tên hiệu trưởng	Trần Văn Hiền
Điện thoại	
Fax	
Website	
Số điểm trường	
Loại hình khác	
Thuộc vùng khó khăn	
Thuộc vùng đặc biệt khó khăn	

1. Số lớp học

Số lớp học	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023
Khối lớp 10	5	5	6	5	6
Khối lớp 11	4	4	4	5	5
Khối lớp 12	4	4	3	4	5
Cộng	13	13	13	14	16

2. Cơ cấu khối công trình của nhà trường

TT	Số liệu	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Ghi chú
I	Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập	26	26	26	26	26	
1	Phòng học	18	18	18	18	18	
a	Phòng kiên cố	18	18	18	18	18	
b	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	
c	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
2	Phòng học bộ môn	6	6	6	6	6	
a	Phòng kiên cố	6	6	6	6	6	
b	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	
c	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
3	Khối phục vụ học tập	18	18	18	18	18	

a	Phòng kiên cố	18	18	18	18	18	
b	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	
c	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
II	Khởi phòng hành chính-quản trị	9	9	9	9	9	
1	Phòng kiên cố	9	9	9	9	9	
2	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	
3	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
III	Thư viện	1	1	1	1	1	
IV	Các công trình, khởi phòng chức năng khác (nếu có)	0	0	0	0	0	
	Cộng						

3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

a) Số liệu tại thời điểm TĐG:

	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo			Ghi chú
				Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Trên chuẩn	
Hiệu trưởng	1	0	0	0	1	0	
Phó hiệu trưởng	2	0	0	0	2	0	
Giáo viên	30	18	3	0	29	1	
Nhân viên	5	4	0	0	4	1	
Cộng	38	22	3	0	36	2	

b) Số liệu của 5 năm gần đây:

TT	Số liệu	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023
1	Tổng số giáo viên	29	29	29	29	30
2	Tỷ lệ giáo viên/lớp	2.23	2.23	2.23	2.07	1.88
3	Tỷ lệ giáo viên/học sinh	0.068	0.063	0.053	0.048	0.043
4	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp huyện hoặc tương đương trở lên (nếu có)	0	0	0	0	0
5	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh trở lên (nếu có)	0	0	0	3	0
6	Các số liệu khác (nếu có)					

4. Học sinh

a) Số liệu chung

TT	Số liệu	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Ghi chú
1	Tổng số học sinh	425	454	538	603	687	
	- Nữ	228	243	269	297	325	
	- Dân tộc	52	51	55	80	104	
	- Khối lớp 10	161	190	248	237	284	
	- Khối lớp 11	141	128	170	202	205	
	- Khối lớp 12	123	136	120	164	198	
2	Tổng số tuyển mới	160	190	224	237	284	
3	Học 2 buổi/ngày	420	450	530	580	650	
4	Bán trú	0	0	0	0	0	
5	Nội trú	0	0	0	0	0	
6	Bình quân số học sinh/lớp	33	35	42	43	43	
7	Số lượng và tỷ lệ % đi học đúng độ tuổi	100	100	100	100	100	
	- Nữ	100	100	100	100	100	
	- Dân tộc thiểu số	100	100	100	100	100	
8	Tổng số học sinh giỏi cấp huyện/tỉnh (nếu có)	0	0	6	10	9	
9	Tổng số học sinh giỏi cấp quốc gia (nếu có)	0	0	2	0	0	
10	Tổng số học sinh thuộc đối tượng chính sách						
	- Nữ	0	0	0	0	0	

	- Dân tộc thiểu số	0	0	0	0	0	
11	Tổng số học sinh (trẻ em) có hoàn cảnh đặc biệt	0	0	0	0	0	
12	Tổng số học sinh (trẻ em) khuyết tật, hoà nhập	0	0	2	0	1	
	Các số liệu khác (nếu có)						

b) Kết quả giáo dục

Số liệu	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Ghi chú
Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi	12.94	14.98	15.59	14.31	16.88	
Tỷ lệ học sinh xếp loại khá	39.76	42.73	38.6	41.23	39.53	
Tỷ lệ học sinh xếp loại trung bình	40.94	37.22	40.35	41.74	41,74	
Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém	5.41	3.52	4.87	2.72	1.73	
Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm tốt	76.94	81.5	80.31	77.95	78.56	

Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá	19.76	16.08	18.13	19.15	18.15	
Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm trung bình	3.06	0.66	0.97	2.91	3,3	
Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm yếu	0	0.22	0	0	0	

14
Phần II
TỰ ĐÁNH GIÁ

A. ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Tình hình chung của nhà trường

Trường THPT Phan Đình Phùng được thành lập theo Quyết định số 49/QĐ-UBND ngày 01 tháng 4 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông, trên cơ sở tách ra từ trường THPT Đắk Song. Trường đứng chân tại xã ĐắkNDRung, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông.

Năm học 2022 - 2023, trường có 16 lớp với 684 học sinh ở 03 khối lớp và 35 cán bộ, giáo viên, nhân viên; 100% cán bộ, giáo viên nhân viên đạt chuẩn và trên chuẩn, trong đó có 02 thạc sĩ. Vượt qua bao khó khăn, tập thể sư phạm đã thực hiện tốt nhiệm vụ của mình. Vì vậy CLGD từng bước được nâng lên. Kết quả thi tốt nghiệp THPT cao hơn mặt bằng chung của tỉnh, số lượng giải kỳ thi HS giỏi cấp tỉnh luôn tăng dần, tỷ lệ HS đỗ vào các trường Đại học, Cao đẳng hằng năm được nâng lên.

Với diện tích là 22.505m², trường có 18 phòng học, 01 phòng thực hành Tin, 02 phòng thực hành Hoá-Sinh, 01 phòng thực hành vật lý, 01 phòng học tiếng anh, 01 thư viện, 01 nhà đa năng và khu phòng hiệu bộ khang trang. Đặc biệt nhà trường có kết nối Wifi, các phòng học được trang bị tivi, phòng làm việc được trang bị máy tính, đầy đủ trang thiết bị... Cơ sở vật chất của nhà trường đã đáp ứng tương đối tốt nhu cầu học tập và giảng dạy của giáo viên và HS.

Chi bộ của trường nhiều năm liền đạt danh hiệu “Trong sạch vững mạnh”, luôn phát huy tốt vai trò lãnh đạo trong cơ quan. Công tác phát triển đảng viên luôn được chú trọng. Hiệu trưởng nhà trường đã có những biện pháp tích cực để nâng cao chất lượng đội ngũ. Tranh thủ sự quan tâm của các cấp chính quyền và Hội CMHS; nhà trường đã kết hợp với Công đoàn chăm lo tốt đời sống cán bộ, giáo viên nhân viên, tạo mọi điều kiện tốt nhất để cán bộ, giáo viên nhân viên ở xa về yên tâm công tác, phục vụ lâu dài ở địa phương.

Công đoàn, Đoàn trường và các đoàn thể khác đã phát huy tốt vai trò trách nhiệm của mình, phối hợp cùng nhà trường để tổ chức nhiều hoạt động thiết thực góp phần hoàn thành kế hoạch nhiệm vụ đã đề ra. Công đoàn trường nhiều năm công nhận công đoàn xuất sắc, Đoàn trường được cấp trên công nhận đơn vị vững mạnh xuất sắc, được nhận bằng khen của Trung ương Đoàn. Nhà trường có đội ngũ cán bộ giáo có kinh nghiệm, năng động, nhiệt tình, luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm, khiêm tốn, chịu khó học tập; HS năng nổ, tích cực chủ động, vượt khó trong học tập và rèn luyện. Nhiều năm qua, tập thể sư phạm nhà trường được công nhận là tập thể lao động tiên tiến; nhiều giáo viên được công nhận là chiến sĩ thi đua cấp tỉnh, chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, lao động tiên tiến, bằng khen của Bộ GD & ĐT, bằng khen của UBND tỉnh; các tổ chuyên môn đều đạt tập thể lao động tiên tiến...

Cùng với các hoạt động dạy và học, để giáo dục toàn diện cho HS, nhà trường đã chỉ đạo tốt công tác giáo dục môi trường, sức khỏe sinh sản vị thành niên. Chỉ đạo Đoàn trường tổ chức thành công các hoạt động bề nổi như: Hội thi kể chuyện “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức của Hồ Chí Minh”, “HS với an toàn giao thông”, hội diễn văn nghệ “ Nhớ ơn người giáo viên nhân dân”, hội thi báo tường nhân ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11, các hoạt động TDTT, tổ chức các hoạt động ngoại khóa như: Đố vui để học, tổ chức các hoạt động từ thiện “Giấy vụn góp yêu thương”, “Heo đất tiếp sức đến trường & tết yêu thương”... Thông qua những hoạt động này nhà trường đã giáo dục kỹ năng sống, giáo dục

tư tưởng chính trị, truyền thống lịch sử, ... nhằm định hướng ở HS lối sống lành mạnh, trở thành người có ích cho gia đình, nhà trường và xã hội.

Trong những năm qua, lãnh đạo nhà trường quản lý bằng chất lượng và hiệu quả công việc. Thường xuyên phối kết hợp với các tổ chức trong và ngoài nhà trường để giáo dục học sinh. Xây dựng kế hoạch từng bước nâng cao chất lượng giáo dục; chất lượng đội ngũ đảm bảo về trình độ lý luận chính trị, chuyên môn nghiệp vụ; chuẩn bị tâm thế sẵn sàng đáp ứng yêu cầu đổi mới của đất nước nói chung và của ngành Giáo dục nói riêng. Những năm tiếp theo nhà trường ra sức thực hiện tốt hơn nhiệm vụ của mình nhằm đạt được những mục tiêu trong định hướng chiến lược phát triển giáo dục của trường 2020-2025 và tầm nhìn 2030. Về công tác quản lý: Nhà trường có 01 HT, 02 PHT, có 02 Tổ chuyên môn và Tổ Văn phòng; các tổ chuyên môn đều có tổ trưởng và 02 tổ phó được bổ nhiệm theo đúng Luật Giáo dục và Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học ban hành kèm Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ GD&ĐT (gọi tắt là Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT). Công tác quản lý của nhà trường thực hiện đúng các văn bản hướng dẫn hiện hành. Về công tác tài chính: Nhà trường cập nhật kịp thời, đầy đủ các văn bản pháp quy về chế độ tài chính, thực hiện thanh toán đầy đủ, kịp thời mọi chế độ cho CB, GV, NV. Thực hiện tốt công tác dự toán kinh phí cũng như chế độ báo cáo thống kê, quyết toán hàng năm cho cơ quan chủ quản kịp thời. Mọi công tác thu chi đều được công khai.

2. Mục đích TĐG

Nhà trường xác định, trong công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, giáo dục giữ một vị trí quan trọng trong việc nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, góp phần vào việc xây dựng một nền kinh tế tri thức. Để đáp ứng với xu thế hội nhập của ngành giáo dục và sự quan tâm của Đảng và Nhà nước, chính quyền địa phương, sự tin yêu của nhân dân. Chính vì vậy, trong năm học 2022-2023 và những năm học tiếp theo, cùng với việc đổi mới nội dung, phương pháp dạy học, đổi mới kiểm tra đánh giá, bồi dưỡng năng lực cho đội ngũ giáo viên, tăng cường cơ sở vật chất phục vụ dạy và học, nhà trường đặc biệt quan tâm đến công tác tự đánh giá chất lượng giáo dục theo Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ GD & ĐT ban hành Ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học, công văn số 149/SGDĐT-GDTrH- QLCL ngày 29 tháng 01 năm 2021 của Sở GD & ĐT về việc hướng dẫn quy trình đăng ký và thực hiện đánh giá ngoài công nhận đạt KĐCLGD và công nhận chuẩn quốc gia; công văn số 5932/BGDĐT- QLCL ngày 28/12/2018 của Bộ GD&ĐT về việc hướng dẫn đánh giá ngoài cơ sở giáo dục phổ thông; công văn số 677/SGDĐT-GDTrH- QLCL ngày 01/6/2020 của Sở GD & ĐT về việc hướng dẫn thực hiện công tác kiểm định chất lượng giáo dục năm 2020 và các năm tiếp theo. Nhà trường tự xem xét, tự kiểm tra, chỉ ra các điểm mạnh, điểm yếu của từng tiêu chí, xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng và các biện pháp thực hiện để đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng giáo dục do Bộ GD&ĐT ban hành, nhằm xác định mức độ đáp ứng mục tiêu giáo dục trong từng giai đoạn của nhà trường, thông báo công khai với các cơ quan quản lý giáo dục về thực trạng chất lượng giáo dục của đơn vị.

3. Tóm tắt quá trình và những vấn đề nổi bật trong hoạt động TĐG

Hội đồng tự đánh giá thực hiện theo Quyết định số 07/QĐ-PDP ngày 16 tháng 01 năm 2023 của Trường THPT Phan Đình Phùng, gồm 16 thành viên. Ngoài ra Hội đồng tự đánh giá còn thành lập 05 nhóm công tác chuyên trách. Hội đồng tự đánh giá đã triển khai

các cuộc họp để thống nhất quá trình đánh giá, phân công công việc, trách nhiệm của từng thành viên trong hội đồng.

Mỗi thành viên trong hội đồng đã thu thập tài liệu nghiên cứu đánh giá các chỉ số, sau đó thảo luận thống nhất mã hoá và đặt trong các hộp minh chứng đã được đánh số và lưu trữ. Từ tháng 01/2023 đến tháng 06/2023 các thành viên trong Hội đồng tự đánh giá đã tìm kiếm, so sánh đối chiếu thông tin minh chứng. Trong quá trình tự đánh giá nhà trường đã sử dụng nhiều phương pháp và công cụ khác nhau: sử dụng các tài liệu Hướng dẫn, các Quy định, các Quy chế, Điều lệ nhà trường phổ thông và các Văn bản quy phạm pháp luật có liên quan, các công văn qui định, hướng dẫn, các Quyết định của Sở GD&ĐT Đắk Nông; tìm các công văn, tài liệu trong kho lưu trữ văn thư nhà trường hoặc các văn bản liên quan khác từ lãnh đạo trường, Chi bộ, Công đoàn, Đoàn thanh niên, Chi đoàn giáo viên, các tổ chuyên môn, GVCN,... Quá trình thực hiện, các thành viên Hội đồng tự đánh giá đã sử dụng các phương tiện công nghệ để thu thập, tổng hợp, phân tích, xử lý, quản lý lưu trữ các thông tin, số liệu, hình ảnh có liên quan đến kiểm định CLGD nhà trường. Cuối tháng 05/2022 Hội đồng tự đánh giá cơ bản hoàn thành việc tự đánh giá các chỉ số và từng tiêu chí tập hợp thành bộ tiêu chí quản lý chất lượng và đã công khai để lấy ý kiến đóng góp của toàn hội đồng. Sau đó tổng hợp, hoàn thành báo cáo tự đánh giá.

Nhà trường xác định mục đích tự đánh giá là tự xem xét, tự kiểm tra, chỉ ra các điểm mạnh, điểm yếu của từng tiêu chí, đồng thời đề ra kế hoạch cải tiến chất lượng và các biện pháp thực hiện để đáp ứng các tiêu chuẩn CLGD do Bộ GD&ĐT ban hành, từ đó xác định kế hoạch chiến lược phân đấu xây dựng, phát triển bền vững nhà trường, phấn đấu đạt trường chuẩn Quốc gia vào năm học 2024-2025.

3.1. Trường THPT Phan Đình Phùng tiến hành tự đánh giá theo quy trình:

1. Thành lập Hội đồng tự đánh giá;
2. Xây dựng kế hoạch tự đánh giá;
3. Thu thập, xử lý và phân tích các thông tin, minh chứng;
4. Đánh giá mức độ đạt được theo từng tiêu chí;
5. Viết báo cáo tự đánh giá;
6. Công bố báo cáo tự đánh giá.

Tất cả các bước trên đều được thực hiện theo công văn số 5932/BGDĐT- QLCL ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Bộ GD&ĐT về việc hướng dẫn đánh giá ngoài cơ sở giáo dục phổ thông.

Cụ thể:

Thời gian	Nội dung hoạt động	Người thực hiện	Ghi chú
Tuần 1 (02-06/01/2023)	<ul style="list-style-type: none"> - Họp hội đồng tự đánh giá (TĐG), thông qua kế hoạch TĐG, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên. - Phổ biến kế hoạch TĐG đến toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên của trường 	Thành viên Hội đồng	
Tuần 2 (09-13/01/2023)	<ol style="list-style-type: none"> 1. Tổ chức hội thảo/tập huấn/hội nghị về nghiệp vụ TĐG cho toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên của trường và các bên liên quan. 2. Các nhóm công tác, cá nhân thực hiện xác định nội hàm, phân tích tiêu chí tìm minh chứng cho từng tiêu chí. 	Thành viên Hội đồng	
Tuần 3 - 4 (01-11/02)	<ol style="list-style-type: none"> 1. Các nhóm công tác, cá nhân thực hiện: <ul style="list-style-type: none"> - Xác định nội hàm, phân tích tiêu chí tìm minh chứng cho từng tiêu chí (tiếp theo việc tuần 2); - Phân loại và mã hoá các minh chứng thu được. 2. Hội đồng TĐG thảo luận các minh chứng cho từng tiêu chí đã thu thập được và lập Bảng danh mục mã minh chứng. 3. Các nhóm chuyên trách, cá nhân viết các Phiếu đánh giá tiêu chí. 	Thành viên Hội đồng	
Tuần 5 - 7 (13/02-04/03)	Các nhóm chuyên trách, cá nhân viết các Phiếu đánh giá tiêu chí (tiếp theo việc tuần 3 - 4).	Thành viên Hội đồng	
Tuần 8 – 9 - 10 (06-25/03)	<p>Họp hội đồng TĐG để:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thảo luận về những vấn đề phát sinh từ các minh chứng thu được, những minh chứng cần thu thập bổ sung và các vấn đề liên quan đến hoạt động TĐG (nếu có); - Các nhóm chuyên trách, cá nhân báo cáo nội dung của từng Phiếu đánh giá tiêu chí với Hội đồng TĐG; - Chỉnh sửa, bổ sung các nội dung của Phiếu đánh giá tiêu chí (trong đó đặc biệt chú ý đến kế hoạch cải tiến chất lượng); - Thu thập, xử lý minh chứng bổ sung (nếu có); - Dự thảo báo cáo TĐG. 	Thành viên Hội đồng	
Tuần 11,12 (27/03-08/04)	<p>Họp Hội đồng TĐG để:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra lại minh chứng được sử dụng trong báo cáo TĐG và các nội dung liên quan (nếu có); 	Thành viên Hội đồng	

	<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp tục chỉnh sửa, bổ sung dự thảo báo cáo TĐG; - Thông qua báo cáo TĐG đã chỉnh sửa, bổ sung; - Công bố dự thảo báo cáo TĐG trong nội bộ trường; - Thu thập các ý kiến đóng góp dự thảo báo cáo TĐG; - Bổ sung và hoàn thiện báo cáo TĐG sau khi có các ý kiến góp ý; - Tiếp tục chỉnh sửa, bổ sung và đề xuất những kế hoạch cải tiến chất lượng (nếu có). 		
Tháng 5	<ol style="list-style-type: none"> 1. Các thành viên của Hội đồng TĐG ký tên vào danh sách trong báo cáo TĐG. Hiệu trưởng ký tên, đóng dấu và ban hành. 2. Gửi báo cáo TĐG và công văn trong đó có nội dung đã hoàn thành hoạt động TĐG cho cơ quan quản lý trực tiếp để lấy ý kiến. 3. Chỉnh sửa, bổ sung các ý kiến của cơ quan quản lý trực tiếp (nếu có). 4. Công bố bản báo cáo TĐG đã hoàn thiện (trong nội bộ nhà trường). 5. Lưu trữ báo cáo TĐG, các minh chứng và các tài liệu liên quan theo quy định. 	Thành viên Hội đồng	
Tháng 6	<ol style="list-style-type: none"> 1. Tổ chức thực hiện các kế hoạch cải tiến chất lượng theo từng giai đoạn. 2. Cập nhật lại báo cáo TĐG (nếu cần) trước khi thực hiện việc đăng ký ĐGN với cơ quan có thẩm quyền. 	Chủ tịch, Phó chủ tịch HĐ	

3.2. Phương pháp đánh giá

Trong quá trình TĐG, Hội đồng TĐG đã sử dụng các phương pháp sau:

- Phương pháp điều tra, quan sát: Phương pháp này sử dụng cho các thành viên Hội đồng tự thu thập thông tin minh chứng, đánh giá quan sát các hoạt động trong nhà trường, hoạt động của các nhóm công tác.

- Phương pháp vấn đáp, phỏng vấn: Các thành viên hội đồng TĐG sử dụng phương pháp này để lấy ý kiến chuyên gia, các nhà lãnh đạo, CMHS, các lực lượng xã hội, giáo viên, học sinh để thu thập thêm thông tin minh chứng.

- Phương pháp nghiên cứu lý luận: Tổ chức nghiên cứu tài liệu để làm sáng tỏ hơn công tác tự đánh giá (phương pháp này áp dụng cho từng thành viên của hội đồng tự đánh giá).

- Phương pháp thống kê toán học: Để chứng minh độ tin cậy của kết quả thu thập được.

- Phương pháp tự luận: Căn cứ vào minh chứng thu thập được, các thành viên hội đồng viết phiếu đánh giá tiêu chí và viết báo cáo.

3.3. Công cụ TĐG Hội đồng TĐG đã sử dụng các tài liệu, văn bản sau:

- Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ GD&ĐT quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường THCS, trường THPT và trường phổ thông có nhiều 14 cấp học.

- Hướng dẫn số 5932/BGDĐT-QLCL ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài cơ sở giáo dục phổ thông.

- Điều lệ trường THCS, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học (Điều lệ trường trung học) ban hành kèm theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT, ngày 15/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Thông tư 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc Ban hành Điều lệ Ban đại diện CMHS.

- Thông tư 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc Ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông.

- Thông tư số 14/2018/TT-BGDĐT ngày 20 tháng 7 năm 2018 của Bộ GD&ĐT Ban hành Quy định về chuẩn Hiệu trưởng cơ sở giáo dục phổ thông.

- Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BYT-BGDĐT ngày 12/5/2016 của Bộ Y tế và Bộ GD&ĐT quy định về công tác Y tế trường học.

- Nghị định số 04/2015/NĐ-CP ngày 09/01/2015 nghị định chính phủ về thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập.

- Thông tư số 11/2020/TT-BGDĐT ngày 19/5/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT hướng dẫn thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ sở giáo dục công lập.

- Thông tư liên tịch số 35/2006/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 23/8/2006 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT và Bộ nội vụ hướng dẫn định mức biên chế viên chức ở các cơ sở giáo dục phổ thông công lập.

- Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BKHHCN-BYT ngày 16/6/2011 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT và Bộ khoa học công nghệ, Bộ Y tế hướng dẫn tiêu chuẩn bàn ghế học sinh trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông.

- Thông tư số 14/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT Quy định về phòng học bộ môn của cơ sở giáo dục phổ thông.

- Các văn bản khác của Bộ, của Sở hướng dẫn công tác thực hiện nhiệm vụ trong năm học.

B. TỰ ĐÁNH GIÁ

I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2 VÀ 3

Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường

Mở đầu:

Trường THPT Phan Đình Phùng xác định: Tổ chức và quản lý nhà trường là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên, giữ vai trò quyết định đến hiệu quả và chất lượng các hoạt động giáo dục của nhà trường.

Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường được mọi thành viên của nhà trường tham gia xây dựng, phù hợp với mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường; thường xuyên được rà soát, bổ sung, điều chỉnh và thống nhất cao trong tổ chức thực hiện.

Tổ chức và quản lý nhà trường là hoạt động rất quan trọng, quyết định đến chất lượng, hiệu quả hoạt động của mỗi cơ sở giáo dục. Trường THPT Yên Khê có đầy đủ cơ cấu, tổ chức, đảm bảo yêu cầu của hoạt động dạy và học theo đúng Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học ban hành kèm theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ GD&ĐT quy định về Điều lệ trường trung học. Các tổ chức này hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và có hiệu quả. Hiệu trưởng nhà trường chỉ đạo, quản lý tốt công tác tài chính; công tác chuyên môn, công tác TĐKT trong nhà trường. Chất lượng giáo dục của nhà trường đang từng bước ổn định và phát triển.

Quản lý hành chính, tài chính, tài sản được nhà trường thực hiện nghiêm túc, đúng các quy định, có sự ưu tiên cho những nhiệm vụ trọng tâm từng năm học. Tài sản nhà trường được quản lý và kiểm soát chặt chẽ, được quan tâm bổ sung, sửa chữa kịp thời, đáp ứng nhu cầu hoạt động của nhà trường, phù hợp với yêu cầu của đổi mới giáo dục.

Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được phân công, sử dụng hợp lý đảm bảo hiệu quả trong thực hiện nhiệm vụ.

Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ và được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời. Nhà trường thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở; an ninh trật tự, an toàn trường học được đảm bảo; môi trường, cảnh quan nhà trường sạch, đẹp góp phần tích cực vào việc nâng cao hiệu quả giáo dục và hình ảnh, uy tín của nhà trường.

Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường

Mức 1:

a) Phù hợp với mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường;

b) Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có) hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của phòng giáo dục và đào tạo, sở giáo dục và đào tạo.

Mức 2:

Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển.

Mức 3:

Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục), cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh, cha mẹ học sinh và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Căn cứ vào các văn bản chỉ đạo của cấp trên, tình hình thực tế của nhà trường và địa phương, nhà trường đã xây dựng Kế hoạch Chiến lược phát triển Giáo dục giai đoạn 2020-2025; Nghị quyết Đại hội Chi bộ nhiệm kỳ 2020-2025 và Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ từng năm học [H1-1.1-01], [H1-1.1-02]. Các đề án, nghị quyết, kế hoạch của nhà trường được xây dựng rõ ràng, phù hợp mục tiêu giáo dục phổ thông cấp THPT được quy định tại Luật Giáo dục; phù hợp với phương hướng phát triển kinh tế xã hội của địa phương và nguồn lực của nhà trường [H1-1.1-03]. Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường được cụ thể hóa trong các Nghị quyết của nhà trường và trong các báo cáo sơ kết, tổng kết năm học [H1-1.1-04].

Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học 2021-2022 được xác định bằng văn bản và được Sở Giáo dục và Đào tạo Đắk Nông phê duyệt [H1-1.1-01].

Kế hoạch Chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường giai đoạn 2020-2025 chưa được Sở GD & ĐT Đắk Nông phê duyệt.

Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học đã được thông báo công khai tới toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh, học sinh được biết, được niêm yết tại bảng thông báo và được đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường [H1-1.1-05].

Mức 2:

Nhà trường có Kế hoạch giám sát việc thực hiện Kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường; xây dựng trường đạt chuẩn và thực hiện nhiệm vụ năm học thông qua các buổi họp cơ quan đầu năm, họp cơ quan hàng tháng, họp liên tịch giao ban định kỳ 2 lần/ tháng, họp định kỳ Hội đồng trường [H1-1.1-05], họp tổ chuyên môn, đoàn thể. Nhà trường tổ chức các hoạt động để thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển trường và được đăng tải hình ảnh tư liệu hoạt động trên trang web nhà trường.

Mức 3:

Nhà trường định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển thể hiện trong kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học [H1-1.1-01]; và các Nghị quyết của Hội đồng trường [H1-1.1-04]. Khi tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường, cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh và cộng đồng [H1-1.1-06].

2. Điểm mạnh

Nhà trường thực hiện tốt việc rà soát, điều chỉnh phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường trong từng giai đoạn cụ thể. Phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển của nhà trường phù hợp với mục tiêu giáo dục bậc học phổ thông và điều kiện thực tế của nhà trường.

Nội dung các mục tiêu và giải pháp thực hiện trong kế hoạch phát triển phù hợp với tình hình thực tiễn của nhà trường, địa phương và mục tiêu giáo dục cấp THPT được quy định tại Luật Giáo dục.

Kế hoạch phát triển có sự tham gia đóng góp ý kiến và được thống nhất thực hiện với sự tham gia của mọi thành viên trong nhà trường.

3. Điểm yếu

Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường chưa nhận được nhiều ý kiến, đóng góp từ CMHS và cộng đồng. Một số giải pháp ngắn hạn và dài hạn để thực hiện các mục tiêu phát triển nhà trường có hiệu chưa cao.

Chiến lược phát triển của nhà trường chưa được phê duyệt của các cấp có thẩm quyền.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong 2023 và các năm tiếp theo nhà trường tổ chức cho CB, GV, NV chia sẻ link đăng tải trên website để xin ý kiến đóng góp rộng rãi từ các lực lượng xã hội. Trong năm 2024 nhà trường xây dựng chiến lược phát triển giáo dục nhà trường giai đoạn 2025-2030, tầm nhìn 2035 phù hợp với điều kiện của nhà trường và định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương nhằm để nâng cao chất lượng giáo dục.

Tiếp tục hoàn chỉnh văn bản, hồ sơ đề nghị cấp trên phê duyệt Chiến lược phát triển giáo dục của nhà trường và đăng trên website của trường trong thời gian tới.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác

Mức 1:

- a) Được thành lập theo quy định;
- b) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định;
- c) Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá.

Mức 2:

Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Trường THPT Phan Đình Phùng là trường công lập, có Hội đồng trường được thành lập theo đúng quy định của Điều lệ trường trung học [H1-1.2-01]. Ngoài ra, nhà trường còn có Hội đồng thi đua và khen thưởng được thành lập từ đầu mỗi năm học [H1-1.2-02]; các hội đồng kỷ luật (chỉ thành lập khi có vụ việc xảy ra); Hội đồng xét nâng lương - Hội đồng xét phụ cấp thâm niên, Hội đồng xét sáng kiến kinh nghiệm; Hội đồng tuyển sinh vào 10... [H1-1.2-03].

Hội đồng thi đua khen thưởng được thành lập vào đầu mỗi năm học để giúp Hiệu trưởng tổ chức các phong trào thi đua, đề nghị danh sách khen thưởng đối với cán bộ, giáo viên, nhân viên, HS trong nhà trường. Hội đồng thi đua khen thưởng do Hiệu trưởng thành lập và làm Chủ tịch. Các thành viên của Hội đồng gồm: Phó Hiệu trưởng, Chủ tịch Công đoàn, Bí thư Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, tổ trưởng các tổ trong nhà trường tổng số thành

viên của Hội đồng thi đua và khen thưởng 8 người. Hội đồng kỷ luật được thành lập để xét hoặc xoá kỷ luật đối với HS theo từng vụ việc. Hội đồng kỷ luật do Hiệu trưởng quyết định thành lập và làm Chủ tịch. Các thành viên của Hội đồng gồm: Phó Hiệu trưởng, Bí thư Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, chủ tịch công đoàn, tổng số là 5 người. Hội đồng xét nâng lương – phụ cấp thâm niên được thành lập mỗi năm để giúp Hiệu trưởng rà soát, lập danh sách Cán bộ, giáo viên, nhân viên được nâng lương thường xuyên, nâng lương trước thời hạn, phụ cấp thâm niên. Hội đồng xét nâng lương, phụ cấp thâm niên do Hiệu trưởng thành lập và làm Chủ tịch. Các thành viên của Hội đồng gồm: Phó Hiệu trưởng, Chủ tịch Công đoàn, tổ trưởng các tổ trong nhà trường, tổng số thành viên của Hội đồng là 7 người; Hội đồng tuyển sinh vào 10 được thành lập theo Quyết định của Giám đốc Sở GD & ĐT Đắk Nông [H1-1.2-02], [H1-1.2-03].

Các hoạt động của các hội đồng định kì được thực hiện rà soát đánh giá, được thể hiện trong Sổ ghi nghị quyết của nhà trường và của Hội đồng trường [H1-1.1-05]; và trong các báo cáo sơ kết, tổng kết [H1-1.1-04].

Mức 2:

Các hội đồng hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường, được thể hiện trong Sổ ghi nghị quyết của trường và nghị quyết của Hội đồng trường [H1-1.1-05], trong hồ sơ thi đua của Hội đồng thi đua, khen thưởng [H1-1.6-11] và trong các báo cáo sơ kết, tổng kết năm học [H1-1.1-04]. Trong năm học 2021-2022, nhà trường có 11 sáng kiến được cấp cơ sở với 2 loại B và 9 loại C; giáo viên chủ nhiệm giỏi cấp trường 5; năm 2022-2023 có 14 đề tài sáng kiến đạt cấp cơ sở.

2. Điểm mạnh

Các hội đồng được thành lập đúng cơ cấu và thành phần được quy định trong Điều lệ trường trung học và hướng dẫn của cấp trên. Các thành viên của các hội đồng thực hiện nhiệm vụ hiệu quả, đúng chức năng, dân chủ, trách nhiệm, góp phần tích cực vào việc thúc đẩy thi đua và hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị của nhà trường mỗi năm học.

3. Điểm yếu

Một số thành viên trong Hội đồng trường chưa được ổn định lâu dài nên chưa có thời gian phát huy hết chức năng, quyền hạn và nhiệm vụ cũng như năng lực của bản thân để nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2023 -2024, Hội đồng trường nghiên cứu để điều chỉnh, bổ sung các thành viên của Hội đồng trường đảm bảo giữ ổn định trong 3 năm. Chủ tịch Hội đồng trường phân công nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể để phát huy hết khả năng của tập thể cũng như từng cá nhân trong Hội đồng trường.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường

Mức 1:

- a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định;
- b) Hoạt động theo quy định;
- c) Hằng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá.

Mức 2:

a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực trong các hoạt động của nhà trường.

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có ít nhất 02 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp hiệu quả trong các hoạt động nhà trường và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng**Mức 1:**

Các tổ chức đều hoạt động theo quy định của pháp luật và Điều lệ của từng tổ chức nhằm giúp nhà trường thực hiện tốt các mục tiêu giáo dục, thể hiện trong kế hoạch hoạt động của các tổ chức đoàn thể [H1-1.3-01]; [H1-1.3-02]; [H1-1.3-04] và các văn bản có liên quan của các tổ chức khác [H1-1.3-02].

Hàng năm các hoạt động được rà soát, đánh giá; được thể hiện trong các báo cáo sơ kết, tổng kết hoặc các văn bản của cấp có thẩm quyền có đánh giá về hoạt động của các đoàn thể [H1-1.3-02] [H1-1.3-04] và các tổ chức khác.

Nhà trường có tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam [H1-1.3-07] Chi bộ nhà trường hiện nay có 16 đảng viên, trong đó có 17 đảng viên chính thức. Chi bộ có cơ cấu tổ chức và hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ của Đảng Cộng sản Việt Nam được thể hiện trong các sổ sách theo quy định của Chi bộ các văn bản của cơ quan chức năng có nhận xét, đánh giá về việc thực hiện các hoạt động của tổ chức Đảng [H1-1.3-09].

Trong 05 năm liền (từ năm 2015 đến năm 2020), Chi bộ nhà trường được công nhận đạt tiêu chuẩn “Tổ chức cơ sở đảng hoàn thành tốt nhiệm vụ” [H1-1.3-09]. Năm 2021 Chi bộ hoàn thành nhiệm vụ, năm 2022 Chi bộ hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Nhà trường có các tổ chức: Công đoàn [H1-1.3-03]; đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh [H1-1.3-01]; hội Chữ Thập đỏ; hội Khuyến học [H1-1.3-05], [H1-1.3-06]. Tổ chức Công đoàn, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh hoạt động theo Điều lệ của tổ chức, chức năng nhiệm vụ dưới sự lãnh đạo của Chi bộ.

Các tổ chức đều hoạt động theo quy định của pháp luật và Điều lệ của từng tổ chức nhằm giúp nhà trường thực hiện tốt các mục tiêu giáo dục, thể hiện trong kế hoạch hoạt động của các tổ chức đoàn thể [H1-1.3-02], [H1-1.3-04]; và các văn bản có liên quan của các tổ chức khác [H1-1.1-04].

Hàng năm các hoạt động được rà soát, đánh giá; được thể hiện trong các báo cáo sơ kết, tổng kết hoặc các văn bản của cấp có thẩm quyền có đánh giá về hoạt động của các đoàn thể [H1-1.2-02]; và các tổ chức khác.

Mức 2:

Nhà trường có tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam [H1-1.3-07]. Chi bộ của nhà trường hoạt động đúng theo Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam, phát huy được chức năng lãnh đạo tuyệt đối của tổ chức Đảng. Hằng năm, các tổ chức có triển khai sơ kết 6 tháng, tổng kết năm, đánh giá hiệu quả công việc được giao, rút kinh nghiệm và xây dựng phương hướng hoạt động cho thời gian tiếp theo [H1-1.3-08]; các văn bản của cơ quan chức năng có nhận xét, đánh giá về việc thực hiện các hoạt động của tổ chức Đảng [H1-1.3-09].

Đại hội Chi bộ nhiệm kỳ 2020-2025 đã bầu ra Ban Chấp hành Chi bộ, Bí thư Chi bộ, Phó Bí thư Chi bộ; Ban Chấp hành có cơ cấu đúng theo Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam, kết quả bầu cử được Huyện Ủy Đắk Song ra Quyết định chuẩn y.

Trong 05 năm liền (từ năm 2015 đến năm 2020), Chi bộ nhà trường được công nhận đạt tiêu chuẩn “Tổ chức cơ sở đảng hoàn thành tốt nhiệm vụ” [H1-1.3-09]. Năm 2021 chi bộ hoàn thành nhiệm vụ.

Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường thể hiện ở các đánh giá, ghi nhận của cấp trên qua các giấy khen, bằng khen của tổ chức, đoàn thể cấp trên tặng cho các tổ chức, đoàn thể của nhà trường như Giấy khen; bằng khen của Trung ương đoàn, tỉnh đoàn, giấy khen của huyện đoàn... và qua các hình ảnh hoạt động vì cộng đồng như chăm sóc nghĩa trang liệt sĩ địa phương; thăm và tặng quà Tết cho các cụ già neo đơn; quyên góp chia sẻ, ủng hộ bạn bị tai nạn giao thông; hiến máu nhân đạo; tham gia các hoạt động trồng và chăm sóc cây, hoa trong khuôn viên trường và đường hoa công trình thanh niên 2022.

Mức 3:

Trong 05 năm liền kề trước khi đề nghị công nhận tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có ít nhất 2 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ; Các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên [H1-1.3-09].

Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường thể hiện ở các đánh giá, ghi nhận của cấp trên qua các giấy khen, bằng khen của tổ chức, đoàn thể cấp trên tặng cho các tổ chức, đoàn thể của nhà trường như Giấy khen; bằng khen của Trung ương đoàn, tỉnh đoàn, giấy khen của huyện đoàn... và qua các hình ảnh hoạt động vì cộng đồng như chăm sóc nghĩa trang liệt sĩ địa phương; thăm và tặng quà Tết cho các cụ già neo đơn; quyên góp chia sẻ, ủng hộ bạn bị tai nạn giao thông; hiến máu nhân đạo; tham gia các hoạt động trồng và chăm sóc cây, hoa trong khuôn viên trường và đường hoa công trình thanh niên 2020 [H1-1.2-02], [H4-4.2-09], [H4-4.2-10], [H5-5.5-07], [H5-5.5-10].

2. Điểm mạnh

Các tổ chức hoạt động hiệu quả, thống nhất. Đảng bộ nhiều năm liên tục được Huyện ủy Thanh Ba đánh giá, xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ. Công đoàn, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh nhiều năm được công nhận hoàn thành tốt, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và được các cấp ghi nhận, khen thưởng.

3. Điểm yếu

Vẫn còn có Đảng viên xếp loại hoàn thành nhiệm vụ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tập thể Ban chấp hành chi bộ tiếp tục phát huy tốt vai trò để lãnh đạo tổ chức Đảng trong đơn vị. Thực hiện tốt việc triển khai Nghị quyết trung ương 4 khóa XII gắn với việc

thực hiện Chỉ thị 05-CT/TW của Bộ Chính trị; thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng khóa XIII và Đại hội Đảng các cấp.

Tập thể cấp ủy nghiên cứu đổi mới công tác sinh hoạt chi bộ. Xây dựng kế hoạch sinh hoạt chuyên đề chú trọng nâng cao chất lượng công tác giáo dục tư tưởng chính trị cho cán bộ, đảng viên.

Công đoàn, Đoàn Thanh niên xây dựng kế hoạch hoạt động của tổ chức chú trọng công tác tuyên truyền giáo dục tư tưởng chính trị cho đoàn viên.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng

Mức 1:

- a) Có hiệu trưởng, số lượng phó hiệu trưởng theo quy định;*
- b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định;*
- c) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.*

Mức 2:

- a) Hàng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 01 (một) chuyên đề có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục;*
- b) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh.*

Mức 3:

- a) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động trong nhà trường;*
- b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.*

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Trường THPT Phan Đình Phùng có 01 hiệu trưởng và 02 phó hiệu trưởng do Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Đắk Nông bổ nhiệm [H2-2.1-03].

Hàng năm, sau khi lấy phiếu giới thiệu tổ trưởng, tổ phó tổ chuyên môn, HT ra quyết định thành lập các tổ chuyên môn, tổ văn phòng theo đúng quy định tại Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT. Năm học 2022-2023 nhà trường có 02 tổ chuyên môn và 01 tổ Văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định, mỗi tổ chuyên môn có 01 tổ trưởng, 02 tổ phó và các thành viên. Tổ văn phòng có 01 tổ trưởng.

Tổ Văn phòng gồm viên chức làm công tác văn thư – thủ quỹ; kế toán; nhân viên thư viện và nhân viên quản lý thiết bị; tổ Văn phòng có tổ trưởng, do hiệu trưởng bổ nhiệm và giao nhiệm vụ. Hiệu trưởng sinh hoạt cùng tổ văn phòng; các phó hiệu trưởng sinh hoạt theo tổ chuyên môn [H1-1.4-02].

Hàng năm, trên cơ sở kế hoạch hoạt động của nhà trường, tổ chuyên môn và tổ văn phòng đều xây dựng kế hoạch hoạt động năm, tháng, đợt. Dựa trên kế hoạch xây dựng, các tổ chuyên môn và tổ văn phòng thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Điều 14 và Điều 15 Điều lệ trường trung học phổ thông, được thể hiện trong hồ sơ của các tổ [H1-1.4-03]; Sổ

ng nghị quyết của nhà trường và nghị quyết của Hội đồng trường [H1-1.1-05]; Báo cáo sơ kết, tổng kết [H1-1.1-04]; các loại biên bản về đánh giá, xếp loại giáo viên theo quy định và các loại biên bản về đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên năm học 2021-2022 [H1-1.4-04].

Mức 2:

Hàng năm, nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục, dựa trên nhu cầu thực tế của nhà trường, các tổ chuyên môn đã đề xuất và xây dựng kế hoạch tổ chức chuyên đề chuyên môn. Mỗi tổ đã đề xuất ít nhất 01 chuyên đề nhằm nâng cao chất lượng hoạt động giáo dục [H1-1.4-05]; [H1-1.4-03].

Hàng tháng, theo qui định, tổ chuyên môn và tổ văn phòng tổ chức sinh hoạt tổ 2 lần. Nội dung sinh hoạt: đánh giá các công tác đã thực hiện trong tháng; xây dựng kế hoạch bài học, dự giờ theo hướng đổi mới; đề ra kế hoạch cho thời gian kế tiếp. Cuối năm học các tổ chuyên môn và tổ văn phòng tiến hành kiểm tra, đánh giá xếp loại hồ sơ cá nhân, việc thực hiện quy chế chuyên môn và các hoạt động giáo dục khác để đánh giá thi đua, đánh giá viên chức theo quy định [H1-1.4-04], [H2-2.3-04], [H1-1.2-02].

Mức 3:

Hoạt động của các tổ chuyên môn và tổ văn phòng có nhiều đóng góp trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường [H1-1.1-04].

Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng giáo dục [H1-1.4-03], [H1-1.7-01].

2. Điểm mạnh

Hàng năm HT ra quyết định phân công công việc cho BGH cụ thể, rõ ràng, đúng người, đúng việc phát huy được tốt nhất năng lực của từng cá nhân.

Các tổ chuyên môn và tổ văn phòng được thành lập theo năm học, có cơ cấu, tổ chức theo đúng quy định tại Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT. Các tổ chuyên môn đã xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện công tác chuyên môn đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ của nhà trường. Việc tổ chức các chuyên đề chuyên môn đã góp phần từng bước nâng cao chất lượng giáo dục của tổ chuyên môn nói riêng và của nhà trường nói chung.

Tổ văn phòng thực hiện tốt nhiệm vụ từ đó giúp các hoạt động của nhà trường được tiến hành đồng bộ và hiệu quả.

3. Điểm yếu

Nội dung sinh hoạt theo chuyên đề có tổ chưa sâu, chưa sát với thực trạng cần phải đổi mới, nâng cao chất lượng bộ môn trong tổ.

Việc chỉ đạo SHCM theo nghiên cứu bài học ở các môn chưa đều tay, có giờ dạy sau SHCM theo nghiên cứu bài học thay đổi chậm.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Hiệu trưởng tiếp tục giao quyền chủ động cho các Phó Hiệu trưởng, các tổ trưởng, nhóm trưởng chuyên môn. Chỉ đạo quyết liệt việc đổi mới SHCM theo hướng nghiên cứu bài học, đi sâu về các vấn đề chuyên môn, giảm việc sinh hoạt hành chính. Tăng cường chỉ đạo các Phó Hiệu trưởng kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ được giao của các tổ, nhóm chuyên môn.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.5: Lớp học

Mức 1:

- a) Có đủ các lớp của cấp học;
- b) Học sinh đã được tổ chức theo lớp; lớp học được tổ chức theo quy định;
- c) Lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ.

Mức 2:

Trường có không quá 45 (bốn mươi lăm) lớp. Sĩ số học sinh trong lớp theo quy định.

Mức 3:

Trường có không quá 45 (bốn mươi lăm) lớp. Mỗi lớp ở cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông có không quá 40 (bốn mươi) học sinh, lớp tiểu học không quá 35 (ba mươi lăm) học sinh (nếu có). Số học sinh trong lớp của trường chuyên biệt theo quy định tại quy chế tổ chức và hoạt động của trường chuyên biệt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Trường THPT Phan Đình Phùng được thành lập năm từ 2010. Năm học 2021-2022, năm học thứ 12 của nhà trường, nhà trường có đủ 3 khối lớp là khối lớp 10, khối lớp 11 và khối lớp 12 thể hiện trong sổ đăng bộ học sinh [H2-2.4-03] và trong sổ điểm điện tử trên vn.edu, cơ sở dữ liệu ngành.

Trong mỗi năm học, học sinh được tổ chức theo lớp học; lớp học được tổ chức theo quy định (Điều 16. Điều lệ trường trung học). Mỗi lớp đều có ban cán sự lớp gồm lớp trưởng, 1 hoặc 2 lớp phó do tập thể lớp bầu ra; trong mỗi lớp được chia thành 4 tổ học sinh; có tổ trưởng và tổ phó do các thành viên trong tổ bầu ra. Việc bầu ra lớp trưởng, lớp phó, tổ trưởng, tổ phó được thực hiện vào đầu mỗi năm học dưới sự hướng dẫn của giáo viên chủ nhiệm lớp [H1-1.5-02], [H1-1.5-03].

Nhà trường đã thực hiện cho các lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ, dưới sự định hướng của nhà trường, sự cố vấn, hướng dẫn của giáo viên chủ nhiệm. Mỗi lớp đều có Ban cán sự lớp, cán bộ đoàn được thành lập theo một quy trình dân chủ, tự nguyện phục vụ lợi ích học tập, giáo dục cho chính mình. Phát huy quyền làm chủ trong quá trình học tập, giáo dục. Học sinh có điều kiện hiểu rõ quyền và trách nhiệm trong môi trường giáo dục, được rèn các kỹ năng lãnh đạo, kỹ năng tham gia, hợp tác trong các hoạt động ở lớp, trường. Mỗi lớp có quỹ lớp, thủ quỹ và các thành viên trong lớp được dân chủ bàn bạc, thống nhất việc trang bị các dụng cụ dùng chung, tự quản của lớp (rèm cửa, dụng cụ trực nhật, bình nước...) trên cơ sở có sự đồng ý của nhà trường, giáo viên chủ nhiệm và cha mẹ học sinh [H1-1.5-02], [H1-1.5-03].

Mức 2:

Năm học 2022-2023, nhà trường có 16 lớp với 06 lớp 10, 05 lớp 11 và 05 lớp 12; sĩ số bình quân các lớp không quá 45 học sinh, thể hiện ở chỉ tiêu tuyển sinh đầu cấp được phê duyệt và danh sách trúng tuyển vào lớp 10 trung học phổ thông; danh sách biên chế lớp học hàng năm của nhà trường [H2-2.4-02], [H1-1.5-04]. Lớp học được hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ nhằm phát huy tối đa năng lực của từng HS.

Mức 3:

Năm học 2022-2023 số lớp của nhà trường không quá 45 lớp (cụ thể, nhà trường có 16 lớp), sĩ số bình quân 42.9 học sinh/lớp [H1-1.5-04].

2. Điểm mạnh

Lớp học được tổ chức theo quy định tại Điều lệ trường trung học; địa điểm của trường bảo đảm an toàn cho HS, CB, GV, NV và thuận lợi cho các hoạt động giáo dục. Chất lượng tuyển sinh đầu vào ổn định. Chất lượng giáo dục và uy tín nhà trường từng bước được nâng lên.

3. Điểm yếu

Năng lực quản lý của một số cán bộ lớp còn hạn chế. Năng lực tự quản của 1 số lớp chưa cao. Có lớp có số học sinh biến động nhiều nên phải điều chuyển học sinh vào năm học tiếp theo.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

- Ngay đầu mỗi năm học, nhà trường chỉ đạo các giáo viên chủ nhiệm các lớp tổ chức, hướng dẫn cho học sinh trong lớp bầu lớp trưởng, lớp phó; học sinh trong mỗi tổ bầu tổ trưởng, tổ phó; lưu biên bản trong hồ sơ chủ nhiệm và lập danh sách thông tin lớp báo cáo nhà trường.

Tư vấn cho học sinh lựa chọn các tổ hợp môn học phù hợp để cân đối sĩ số trong các lớp ổn định.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản

Mức 1:

- a) Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định;
- b) Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành;
- c) Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.

Mức 2:

- a) Ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường;
- b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.

Mức 3:

Có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và trung hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường lưu trữ đầy đủ hệ thống hồ sơ, sổ sách về hoạt động giáo dục theo quy định tại điều 21 của Điều lệ trường trung học gồm: Sổ đăng bộ [H1-1.6-02]; sổ theo dõi HS chuyển đi, chuyển đến [H1-1.6-15]; sổ gọi tên và ghi điểm [H1-1.6-04]; sổ ghi đầu bài [H1-

1.6-12]; học bạ HS [H1-1.6-13]; sổ quản lý cấp phát văn bằng, chứng chỉ [H1-1.6-14]; sổ nghị quyết của nhà trường và sổ nghị quyết của hội đồng trường [H1-1.6-05]; hồ sơ thi đua [H1-1.6-11]; hồ sơ đánh giá CB-GV-NV [H1-1.2-02]; hồ sơ kỷ luật; sổ quản lý và hồ sơ lưu trữ các văn bản, công văn đi, đến; sổ quản lý tài sản, thiết bị giáo dục; sổ quản lý tài chính; hồ sơ quản lý thư viện và hồ sơ theo dõi sức khỏe HS; sổ ghi kế hoạch hoạt động chuyên môn và nội dung các cuộc họp chuyên môn; giáo án; sổ dự giờ; sổ chủ nhiệm [H1-1.6-06], [H1-1.6-07], [H1-1.6-08], [H1-1.6-09], [H1-1.6-10].

Hằng năm, nhà trường lập dự toán ngân sách nhà nước và được cấp trên phê duyệt [H1-1.6-20]. Thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính, tài sản theo đúng chế độ kế toán, tài chính của Nhà nước, của phòng Kế hoạch- Tài chính và Sở Giáo dục và Đào tạo Đắk Nông. Công khai tài chính được thực hiện theo quy định của nhà nước [H1-1.6-10]. Quy chế chi tiêu nội bộ được xây dựng một cách dân chủ, công khai, được bổ sung và cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế các quy định ban hành.

Nhà trường quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục [H1-1.6-09], [H1-1.6-10].

Mức 2:

Nhà trường sử dụng phần mềm Misa trong công tác kế toán giúp nâng cao hiệu quả việc cập nhật dữ liệu và lập các loại hồ sơ sổ sách kế toán theo quy định [H1-1.6-19].

Trong 05 năm liền kề (từ năm 2017 đến nay) nhà trường không có vi phạm liên quan đến quản lý hành chính; tài chính; tài sản [H1-1.8-03].

Mức 3:

Có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

Nhà trường có các tờ trình, văn bản đề nghị với cấp có thẩm quyền nhằm tạo nguồn tài chính hỗ trợ, bổ sung trang thiết bị, cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ của đơn vị [H4-4.2-05], [H1-1.10-11].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đầy đủ các văn bản quy định về quản lý tài chính, tài sản và lưu trữ hồ sơ, chứng từ theo quy định. Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính, tài sản theo quy định của nhà nước. Nhà trường tổ chức công khai tài chính, thực hiện công tác tự kiểm tra tài chính theo quy định, xây dựng được quy chế chi tiêu nội bộ. Hoạt động tài chính của đơn vị minh bạch, rõ ràng thực hiện theo đúng văn bản quy định về quản lý tài chính. Nhà trường đã thực hiện đúng chế độ báo cáo tài chính theo quy định. Thực hiện đảm bảo đầy đủ, kịp thời mọi chế độ chính sách cho cán bộ, giáo viên, nhân viên. Trong 05 năm liền tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có vi phạm liên quan đến việc quản lý tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.

3. Điểm yếu

Điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương còn hạn chế, nên việc huy động các nguồn kinh phí hợp pháp hỗ trợ hoạt động còn ít. Việc thanh lý tài sản, tiêu hủy hóa chất quá hạn sử dụng hàng năm còn chậm.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường duy trì công tác quản lý tài chính, tài sản công khai, minh bạch, hiệu quả, đúng mục đích để phục vụ các hoạt động giáo dục. Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch

chiến lược, kế hoạch dài hạn trong việc huy động các nguồn tài chính để cải tạo, sửa chữa, mua sắm trang thiết bị, CSVC. Hằng năm, BGH chỉ đạo việc kiểm kê tài sản, thiết bị đúng thời hạn. Kịp thời thanh lý, bổ sung để đáp ứng tốt việc phục vụ các hoạt động giáo dục.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên

Mức 1:

a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên;

b) Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường;

c) Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2:

Có các biện pháp để phát huy năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hàng năm, nhà trường có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên, thể hiện trong kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học [H1-1.7-01], sô nghị quyết của nhà trường, nghị quyết của Hội đồng trường [H1-1.7-10] và các văn bản khác có liên quan [H1-1.7-02], [H1-1.7-11]. Việc xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên bám sát các hướng dẫn, chỉ đạo của cấp trên, tình hình thực tế của đơn vị và định hướng phát triển của nhà trường.

Đầu mỗi năm học, căn cứ vào kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học, trình độ đào tạo, năng lực và khả năng hoàn thành nhiệm vụ của mỗi cá nhân; sau khi tham khảo ý kiến đề xuất của các tổ chuyên môn, các tổ chức đoàn thể, hiệu trưởng ra quyết định phân công nhiệm vụ cho cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường rõ ràng, hợp lý, đúng chuyên môn, định mức theo quy định, có tính ưu tiên (khối 12, tổ hợp tự chọn), tính kế thừa và phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh của mỗi cá nhân nhằm phát huy tối đa hiệu quả công tác [H1-1.7-04].

Việc phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên của nhà trường đảm bảo hiệu quả các hoạt động, thể hiện qua kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học [H1-1.7-05]; kết quả đánh giá, xếp loại cán bộ, giáo viên, nhân viên [H1-1.7-06]; kết quả đánh giá giáo viên theo chuẩn, kết quả thi đua hàng năm và những ghi nhận của các cơ quan cấp trên về việc nhà trường hoàn thành tốt nhiệm vụ [H1-1.7-07].

Cán bộ, giáo viên, nhân viên (CBGVNV) được tạo điều kiện tham gia các lớp bồi dưỡng về chính trị, chuyên môn nghiệp vụ (trong 05 năm liền kể đã có 7 đồng chí tham gia và hoàn thành lớp trung cấp Lý luận chính trị; 01 đồng chí tham gia lớp cao cấp chính trị; giáo viên học và có chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên trung học phổ thông hạng II...) [H1-1.7-08], được phân công tham gia giảng dạy hoặc giáo dục học sinh [H1-1.7-04], được hưởng đầy đủ tiền lương và phụ cấp theo quy định, được chăm sóc sức khỏe theo chế độ, chính sách và các quyền khác theo quy định tại Điều 29 của Điều lệ trường trung học và các văn bản hiện hành khác.

Mức 2:

Nhà trường có biện pháp phát huy năng lực của cán bộ, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục. Các biện pháp được thể hiện trong kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học [H1-1.7-01]; phân công nhiệm vụ cho CBGVNV [H1-1.7-03], [H1-1.5-01]; nghị quyết của nhà trường và của Hội đồng trường [H1-1.7-10]; kế hoạch kiểm tra nội bộ trường học [H1-1.7-11]; quy chế thi đua nội bộ và quy tắc ứng xử trong nhà trường [H1-1.7-12].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có kế hoạch bồi dưỡng và các giải pháp nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên; việc phân công sử dụng đội ngũ hợp lý, hiệu quả; thực hiện đầy đủ các quyền, chế độ chính sách đối với CBGVNV theo quy định.

3. Điểm yếu

Việc học tập bồi dưỡng, trao đổi kinh nghiệm cùng các đơn vị bạn còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường tiếp tục duy trì việc khen thưởng kịp thời, xứng đáng đối với những cá nhân, tập thể có thành tích nhằm tạo động lực phấn đấu cho CB, GV, NV toàn trường. CB quản lý hàng năm thực hiện rà soát, bổ sung kế hoạch bồi dưỡng CB, GV, NV cho phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị. Hiệu trưởng căn cứ vào kết quả đạt được của CB, GV, NV hàng năm để phân công lại, bố trí lại vị trí việc làm cho hợp lý đảm bảo hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Nhà trường xây dựng kế hoạch học tập trao đổi kinh nghiệm, chuyên môn nghiệp vụ với các trường trong địa bàn tỉnh.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục

Mức 1:

a) Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường;

b) Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ;

c) Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.

Mức 2:

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động giáo dục, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả. Quản lý hoạt động dạy thêm, học thêm trong nhà trường theo quy định (nếu có).

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường thực hiện chương trình giáo dục phổ thông theo quy định của BGD&ĐT, các văn bản chỉ đạo hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo, thể hiện trong Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học [H1-1.7-01]. Năm học 2021-2022 nhà trường đã xây dựng kế hoạch giáo dục của tất cả các môn học, hoạt động giáo dục phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường theo hướng sắp xếp lại các tiết học trong sách giáo khoa (SGK) thành một số bài

học theo chủ đề, nhằm tiết kiệm thời gian và tạo thuận lợi cho việc áp dụng các phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực; chú trọng giáo dục đạo đức, lối sống và giá trị sống, thực hành pháp luật. Kế hoạch giáo dục các môn học, hoạt động giáo dục của tổ/nhóm chuyên môn đã được hiệu trưởng nhà trường phê duyệt [H1-1.8-01], [H1-1.8-02], [H1-1.8-07].

Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ. Quá trình thực hiện kế hoạch giáo dục của tổ/nhóm chuyên môn được thực hiện theo hướng dẫn tại công văn số 5555/BGDĐT-GDTrH ngày 08/10/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT), công văn số 121/SGD&ĐT-GDTrH ngày 04/10/2016 của Sở GD&ĐT Đắk Nông; thực hiện chương trình giáo dục địa phương các môn học theo phân phối chương trình của BGD&ĐT và tài liệu do Sở GD&ĐT Đắk Nông ban hành; thực hiện các tiết dạy tự chọn theo đúng hướng dẫn của BGD&ĐT và Sở GD&ĐT; có kế hoạch dạy học tự chọn được nhóm chuyên môn xây dựng và thống nhất thực hiện [H5-5.1-08], được thể hiện trên thời khóa biểu [H5-5.1-01], trong sổ ghi đầu bài của các lớp, các biên bản kiểm tra của cấp trên có liên quan [H1-1.8-03] và trong các báo cáo sơ kết, tổng kết năm học [H1-1.1-04].

Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời, thể hiện trong sổ nghị quyết của nhà trường và nghị quyết của Hội đồng trường [H1-1.6-05]; các báo cáo sơ kết, tổng kết [H1-1.7-05].

Mức 2:

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động giáo dục, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả [H1-1.8-10].

Nhà trường thực hiện nghiêm túc việc quản lý dạy thêm, học thêm theo Thông tư 17/2012/TT-BGDĐT ngày 16/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành quy định về dạy thêm học thêm, quyết định số 07/2020/QĐ-UBND ngày 04 tháng 5 năm 2020 của UBND tỉnh Đắk Nông và các văn bản của Sở về dạy thêm học thêm. Việc tổ chức dạy thêm, học thêm trong nhà trường thực hiện đúng theo quy định, góp phần nâng cao chất lượng dạy, học của đơn vị. Có đầy đủ hồ sơ, có giấy cấp phép trên cơ sở tự nguyện của học sinh, sự đồng thuận của cha mẹ học sinh (CMHS) và giáo viên, thể hiện trên hồ sơ quản lý dạy thêm, học thêm [H1-1.8-04]. Nhà trường thường xuyên quán triệt tới cán bộ, giáo viên các quy định của BGD&ĐT, của tỉnh, của ngành về việc dạy thêm, học thêm trong và ngoài nhà trường.

2. Điểm mạnh

Kế hoạch giáo dục được xây dựng phù hợp với điều kiện thực tế của trường và địa phương; thường xuyên được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời đạt hiệu quả chỉ tiêu đề ra. Công tác dạy thêm học thêm trong nhà trường được tổ chức đúng quy định. Trong 5 năm không có CB, GV, NV nhà trường vi phạm quy định về dạy thêm, học thêm.

3. Điểm yếu

Nhà trường đã chỉ đạo, nhưng thực hiện chưa hiệu quả việc xây dựng nội dung chuyên đề dạy học thêm ở các môn theo đối tượng học sinh mà chủ yếu giáo viên dựa trên kinh nghiệm cá nhân của giáo viên.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường tiếp tục xây dựng và triển khai thực hiện đầy đủ kế hoạch giáo dục theo đúng các văn bản hướng dẫn hiện hành. Tăng cường công tác quản lý chuyên môn, vai trò của BGH trong rà soát việc thực hiện các kế hoạch giáo dục và có kế hoạch điều chỉnh kịp thời và triển khai trong hội nghị cơ quan theo từng tháng. Hàng năm, BGH nhà trường tiếp

tục bám sát vào các văn bản hướng dẫn về thực hiện nhiệm vụ năm học của cấp trên để chỉ đạo GV xây dựng, điều chỉnh 28 các kế hoạch cho hợp lý, phù hợp với đối tượng HS và điều kiện thực tế của nhà trường. Rà soát phân loại đối tượng HS theo năng lực để có biện pháp bồi dưỡng hiệu quả.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở

Mức 1:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường;

b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật;

c) Hằng năm, có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.

Mức 2:

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường (theo quy định tại Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của nhà trường, ban hành kèm theo Quyết định số 04/2000/QĐ-BGDĐT ngày 01/3/2000 của Bộ trưởng BGD&ĐT).

Ngay từ đầu mỗi năm học, nhà trường tổ chức Hội nghị cán bộ, viên chức theo đúng hướng dẫn của cấp trên. Hội nghị cán bộ, viên chức được tổ chức lấy ý kiến đóng góp, thảo luận từ cấp tổ đến trực tiếp tại hội nghị về việc xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường được thể hiện trong các báo cáo của Ban thanh tra nhân dân, của công đoàn trường [H1-1.9-04]; các quy chế dân chủ, quy chế thi đua, quy tắc ứng xử trong đơn vị [H1-1.9-01], [H1-1.9-05], quy chế chi tiêu nội bộ được dân chủ bàn bạc, thảo luận và thông qua thể hiện trong biên bản và Nghị quyết hội nghị cán bộ, viên chức [H1-1.9-02], [H1-1.9-06], [H1-1.9-11].

Trong quá trình xây dựng, tổ chức thực hiện nhiệm vụ lãnh đạo nhà trường, các thành viên trong liên tịch trường, CBGVNV, học sinh và cha mẹ học sinh thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở, được biết, được bàn, được tham gia thực hiện và kiểm tra, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ theo quy định, thể hiện trong sổ nghị quyết nhà trường [H1-1.9-06].

Những năm học qua, nhà trường không có hiện tượng khiếu nại tố cáo vượt cấp. Các kiến nghị, phản ánh từ phía CBGVNV, học sinh và cha mẹ học sinh được nhà trường trực tiếp giải quyết, giải trình kịp thời, đầy đủ, đúng pháp luật trong các cuộc họp cơ quan, họp phụ huynh học sinh, trong Hội nghị cán bộ, viên chức [H1-1.9-03], [H1-1.9-04]. Nhà trường đã ban hành nội quy tiếp công dân, có phòng tiếp công dân và sổ tiếp công dân theo quy định [H1-1.9-10].

Nhà trường có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở theo yêu cầu của cấp trên [H1-1.9-11].

Mức 2:

Nhà trường có Ban thanh tra nhân dân, ban kiểm tra nội bộ. Ban thanh tra nhân dân thực hiện việc giám sát các hoạt động của nhà trường trong đó có việc thực hiện quy chế dân chủ. Ban kiểm tra nội bộ lên kế hoạch và tổ chức các cuộc kiểm tra thực hiện chức năng nhiệm vụ của lãnh đạo, các tổ chức, cá nhân trong nội bộ nhà trường. Nhà trường có các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả được thể hiện qua việc có thành lập hộp thư góp ý, cung cấp số điện thoại đường dây nóng, địa chỉ cổng thông tin điện tử của nhà trường, hệ thống các bảng thông báo công khai trong nhà trường, ban hành cơ chế giám sát tại quy chế dân chủ ở cơ sở; Nội quy tiếp công dân; có thể góp ý trực tiếp với lãnh đạo nhà trường hoặc gián tiếp qua Hộp thư, qua thư điện tử hoặc qua tổ chức Công đoàn, Ban thanh tra nhân dân.[H1-1.9-03], [H1-1.9-07], [H1-1.9-10].

2. Điểm mạnh

Nhà trường thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, các kế hoạch, chương trình công tác được đưa ra thảo luận trong tập thể cán bộ giáo viên nhân viên, thống nhất trước khi tổ chức thực hiện.

Những năm qua nhà trường không để xảy ra khiếu nại, tố cáo. Mọi phản ánh từ CBGVNV, học sinh và cha mẹ học sinh đều được lãnh đạo nhà trường xử lý triệt để, không để tình trạng khiếu kiện vượt cấp.

Dân chủ trong nhà trường đã góp phần tích cực vào việc xây dựng, giữ gìn sự đoàn kết và nâng cao hiệu quả thực hiện nhiệm vụ của nhà trường.

3. Điểm yếu

Một số GV, NV chưa tích cực, chưa mạnh dạn đưa ra những ý kiến khi được lấy ý kiến đóng góp.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

HT, CBQL nhà trường cần có giải pháp để khuyến khích CB, GV, NV mạnh dạn đưa ra những ý kiến đóng góp khi xây dựng các nội quy, quy chế hoạt động của nhà trường (nội quy cơ quan, quy chế dân chủ, quy chế chi tiêu nội bộ,...). Các bộ phận trong nhà trường tiếp tục thực hiện tốt các văn bản chỉ đạo của các cấp về nội dung, thời gian và hình thức công khai.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3**Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học****Mức 1:**

a) Có phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; những trường có tổ chức bếp ăn cho học sinh được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm;

b) Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường;

c) Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

Mức 2:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh được phổ biến, hướng dẫn, thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường;

b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng*Mức 1:*

Nhà trường có phương án đảm bảo an ninh trật tự; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn bạo lực [H1-1.10-01], [H1-1.10-02], [H1-1.10-04].

Với việc đảm bảo an ninh, trật tự, nhà trường có các tường bao quanh toàn bộ khuôn viên trường, sân tập; bố trí các bóng điện thấp sáng tại những vị trí trọng yếu. Có 02 nhân viên bảo vệ đảm bảo trực 24/24. Nhà trường đã xây dựng, ban hành nội quy bảo vệ cơ quan; có các cơ chế phối hợp giữa các lực lượng trong nhà trường, giữa nhà trường với công an xã, công an huyện trong việc đảm bảo, giữ gìn, xử lý các vụ việc về an ninh, trật tự đặc biệt khi nhà trường tổ chức các sự kiện lớn. Tổ chức cho học sinh và nhà trường ký cam kết với công an huyện về việc thực hiện tốt các quy định về An toàn giao thông; về pháo nổ [H1-1.10-06].

Với việc đảm bảo an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích: Nhà trường, Đoàn thanh niên phối hợp với công an huyện đã có những bài nói chuyện, buổi ngoại khóa về an toàn giao thông. Nhà trường cũng thường xuyên quan tâm rà soát, sửa chữa, bổ sung các trang thiết bị, cơ sở vật chất dạy học môn học Giáo dục thể chất, Giáo dục Quốc phòng-An ninh như sân chơi, bãi tập, dụng cụ dạy, học...đảm bảo an toàn cao khi sử dụng. Nhà trường có nhân viên làm công tác y tế, với tủ thuốc y tế thường xuyên cập nhật, trang bị các cơ sở thuốc, dụng cụ y tế dùng cho chăm sóc sức khỏe ban đầu của CBGVNV và học sinh. Đầu mỗi năm học, nhà trường tổ chức khám sức khỏe cho học sinh đầu cấp, có hệ thống sổ sách theo dõi sức khỏe học sinh trong cả khóa học [H1-1.10-07], [H3-3.1-05], [H3-3.2-04].

Với nội dung an toàn phòng, chống cháy nổ: Nhà trường ban hành nội quy, phương án phòng cháy, chữa cháy; có quy chế sử dụng điện trong nhà trường [H1-1.10-03]; trang bị đầy đủ các bình chữa cháy, đã có buổi ngoại khóa với nội dung tuyên truyền kỹ năng thoát hiểm khi xảy ra cháy, tổ chức tập huấn trong CBGVNV và học sinh kỹ năng sử dụng bình cứu hỏa mini.

Ngoài ra, nhà trường thường xuyên quan tâm và có các giải pháp đối với công tác phòng chống dịch bệnh; phòng chống các tệ nạn bạo lực học đường nên trong các năm qua an ninh, trật tự, an toàn, môi trường cảnh quan nhà trường được đảm bảo; góp phần nâng cao hình ảnh, cùng nhà trường hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị được giao [H1-1.10-08].

Nhà trường có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác như thông qua sổ liên lạc điện tử, qua đội ngũ giáo viên chủ nhiệm lớp, cán bộ đoàn trường, qua đại diện cha mẹ học sinh nhà trường, đại diện cha mẹ học sinh các lớp để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân, góp phần đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường [H1-1.10-10].

Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường [H1-1.10-11].

Mức 2:

Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh được phổ biến, hướng dẫn và thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường [H1-1.10-04].

Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và khi phát hiện có hiện tượng liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả [H1-1.10-13].

2. Điểm mạnh

Nhà trường quan tâm và có các biện pháp, phương án phối hợp đảm bảo an ninh trật tự, phòng chống tai nạn thương tích, cháy nổ, phòng chống dịch bệnh, phòng tránh các tệ nạn xã hội cho học sinh và CBGVNV của nhà trường.

An ninh, trật tự, an toàn, vệ sinh, cảnh quan nhà trường được đảm bảo và không ngừng nâng lên, tạo được môi trường học tập an toàn, thân thiện làm cho cha mẹ học sinh yên tâm và tin tưởng.

3. Điểm yếu

Do đặc điểm, tình hình địa phương và nhà trường nên việc đảm bảo an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng chống tai nạn nước còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tiếp tục duy trì, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác đảm bảo an ninh, trật tự, an toàn trường học đã đạt được.

Tìm giải pháp kiểm soát tốt nhất việc sử dụng, đưa thông tin, hình ảnh lên mạng xã hội của học sinh để có các biện pháp ngăn ngừa xảy ra các vụ việc.

Sử dụng nguồn kinh phí hợp pháp để lắp đặt một số camera an ninh tại những vị trí trọng yếu trong nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Kết luận về Tiêu chuẩn 1:

Nhà trường có đầy đủ cơ cấu, tổ chức bộ máy và thực hiện các hoạt động giáo dục theo Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học (*Ban hành kèm theo Thông tư số: 32/2020/TT-BGDĐT ngày 21/09/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo*).

Những điểm mạnh nổi bật như tổ chức Đảng Cộng sản, Công đoàn, đoàn Thanh niên, Hội Chữ Thập đỏ; hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn thực hiện tốt nhiệm vụ, chức năng của mình; quy chế dân chủ cơ sở; an ninh trật tự, an toàn trường học được đảm bảo tốt góp phần cùng nhà trường thực hiện tốt nhiệm vụ được giao.

Những điểm còn hạn chế cơ bản của tiêu chuẩn là phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường dài hạn; công tác văn thư lưu trữ; hồ sơ hoạt động của tổ Văn phòng.

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:

- + Không đạt: 0/10 tiêu chí chiếm 0 %
- + Đạt Mức 1: 10/10 (10/10) tiêu chí chiếm 100 %
- + Đạt Mức 2: 10/10 (10/10) tiêu chí chiếm 100 %
- + Đạt Mức 3: 10/10 (5/5) tiêu chí chiếm 100 %

Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh

Mở đầu:

Đội ngũ CBGVNV và HS là nguồn lực chủ yếu quyết định chất lượng các HĐGD. Do vậy, nhà trường luôn xác định công tác xây dựng đội ngũ nhà giáo và cán bộ QLGD là giải pháp đột phá tạo tiền đề cho sự phát triển và nâng cao CLGD. Vì thế, việc xây dựng đội ngũ nhà giáo và cán bộ QLGD luôn được quan tâm theo hướng chuẩn hóa, đảm bảo chất lượng, đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu, đặc biệt chú trọng nâng cao bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức, lương tâm nghề nghiệp nhằm góp phần đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, yêu cầu đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục.

Đội ngũ cán bộ quản lý của nhà trường được đào tạo chính quy, trẻ, năng động, sáng tạo, làm việc khoa học. Đội ngũ giáo viên được đào tạo chính quy, chuẩn về nghề nghiệp; được phân công công tác phù hợp với chuyên môn đào tạo; có tinh thần đoàn kết, trách nhiệm cao, tâm huyết với nghề nghiệp; có lòng yêu nghề, sẵn sàng học tập, trao đổi kinh nghiệm với các đồng nghiệp, gắn bó với công tác, khắc phục khó khăn để hoàn thành nhiệm vụ. Đa số giáo viên của nhà trường có ý thức tự học, tự rèn để không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, trình độ lý luận chính trị và năng lực công tác. Độ tuổi của HS trong nhà trường đáp ứng yêu cầu theo quy định của Bộ GD&ĐT và các quy định hiện hành về độ tuổi, thực hiện nhiệm vụ, hành vi, ngôn ngữ ứng xử và trang phục theo quy định; thực hiện nghiêm túc quy định về các hành vi không được làm theo quy định của Điều lệ trường trung học. Tuy nhiên đội ngũ CBQL của nhà trường còn trẻ, kinh nghiệm quản lý chưa nhiều, vì vậy cũng gặp không ít khó khăn trong công tác quản lý. Số lượng giáo viên đạt trên chuẩn chưa đảm bảo theo quy định.

Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng

Mức 1:

- a) Đạt tiêu chuẩn theo quy định;
- b) Được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên;
- c) Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định.

Mức 2:

- a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên;

b) Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm.

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hiệu trưởng và phó hiệu trưởng nhà trường đạt trình độ chuẩn được đào tạo của nhà giáo theo quy định của Luật Giáo dục đối với cấp học, đạt trình độ chuẩn được đào tạo ở cấp học cao nhất đối với trường phổ thông có nhiều cấp học [H2-2.1-01].

Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng nhà trường hàng năm đều được đánh giá xếp loại từ loại khá trở lên theo chuẩn hiệu trưởng và chuẩn phó hiệu trưởng [H2-2.1-02]. Mỗi nhiệm kỳ của Hiệu trưởng và phó hiệu trưởng không quá 05 năm [H2-2.1-03].

Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng nhà trường tham gia đầy đủ các đợt bồi dưỡng về chính trị do Ban tuyên giáo huyện tổ chức và bồi dưỡng thường xuyên theo quy định của Bộ GD&ĐT [H2-2.1-05], [H2-2.1-04]. Hiệu trưởng và phó hiệu trưởng nhà trường đã tham gia học lớp QLGD theo quy định [H2-2.1-05]. Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng nhà trường tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ [H2-2.1-06].

Mức 2:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, HT và PHT nhà trường đều được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên [H2-2.1-02].

Hiệu trưởng và phó hiệu trưởng nhà trường được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định [H2-2.1-07], hàng năm HT &PHT nhà trường đều được giáo viên, nhân viên trong trường đánh giá, tín nhiệm [H2-2.1-08].

Mức 3:

Từ năm học 2016-2017 đến nay Hiệu trưởng và Phó hiệu trưởng nhà trường đều được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên, năm học 2021 – 2022 hiệu trưởng được đánh giá chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt [H2-2.1-09].

2. Điểm mạnh

HT, PHT có đủ số năm dạy học theo quy định, trình độ chuyên môn vững vàng. Nhiều năm HT và PHT được cấp có thẩm quyền đánh giá xếp loại viên chức hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng từ Khá trở lên. BGH có trình độ lý luận chính trị; được bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý theo quy định; nhiệt tình, đoàn kết, năng động; đủ tiêu chuẩn về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống và chuyên môn. BGH có năng lực quản lý và có đủ sức khỏe theo yêu cầu nghề nghiệp, được tập thể CB, GV, NV, HS và nhân dân tín nhiệm.

3. Điểm yếu

CBQL nhà trường chỉ được đánh giá ở mức khá về chuẩn hiệu trưởng và phó hiệu trưởng, do còn hạn chế về trình độ ngoại ngữ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

HT, PHT nhà trường tiếp tục nêu cao sự gương mẫu, đoàn kết, ý thức trách nhiệm; tích cực học tập, tự bồi dưỡng để nâng cao trình độ và kinh nghiệm quản lý. Tăng cường công tác tự phê bình và phê bình, đặc biệt chú ý nhận diện 3 nội dung, 27 biểu hiện của suy thoái theo tinh thần Nghị quyết TW4 khóa XII; giải quyết công việc một cách công bằng, khách quan, kịp thời. Phát huy tính chủ động sáng tạo trong công việc, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm trước cấp trên. HT, PHT thực hiện tự kiểm tra, rà soát công việc được giao hàng tháng, hàng kỳ kịp thời có những giải pháp điều chỉnh phù hợp để hoàn thành tốt nhất nhiệm vụ được giao. Tích cực bồi dưỡng trang bị thêm kiến thức ngoại ngữ để phục vụ công tác quản lý, đáp ứng yêu cầu công việc và đổi mới giáo dục.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên

Mức 1:

a) Số lượng, cơ cấu giáo viên đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục và tổ chức các hoạt động giáo dục;

b) 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định;

c) Có ít nhất 95% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên.

Mức 2:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và có ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn;

c) Có khả năng tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, định hướng phân luồng cho học sinh; có khả năng hướng dẫn nghiên cứu khoa học; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 70% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, giáo viên có báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Thực hiện quy định tại Thông tư liên tịch số 35/2006/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 23/8/2006 của Bộ GD-ĐT và Bộ Nội vụ về việc hướng dẫn định mức biên chế viên chức ở các cơ sở giáo dục phổ thông công lập và Thông tư liên tịch số: 07/2013/TTLT-BGDĐT-BNV-BTC ngày 08 tháng 3 năm 2013, theo quy định tại Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 7 năm 2017 về việc Hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập và các quy định khác,

trường THPT Phan Đình Phùng có 29 giáo viên, cơ cấu đủ cho tất cả các môn học [H2-2.2-01]; 100% giáo viên được phân công giảng dạy theo đúng chuyên môn được đào tạo [H2-2.2-02].

Đội ngũ giáo viên của nhà trường hiện tại có 29 giáo viên đạt chuẩn đào tạo theo quy định tại điều 30 của thông tư 32/2020 TT-BGDĐT (có 01 giáo viên đạt trên chuẩn)[H2-2.2-01].

Đến thời điểm hiện tại, nhà trường có trên 95% giáo viên được đánh giá chuẩn nghề nghiệp từ loại khá trở lên [H2-2.2-04].

Mức 2:

Từ năm 2017 đến nay, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định nhưng không tăng dần theo lộ trình [H2-2.2-01].

Từ năm học 2019 – 2020 đến nay, nhà trường có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có 36,96% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên đảm bảo đúng theo quy định (trên ít nhất 60% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp mức khá) [H2-2.2-04].

Giáo viên nhà trường có khả năng tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, định hướng phân luồng cho học sinh; có khả năng hướng dẫn nghiên cứu khoa học [H2-2.2-06]; tính đến thời điểm đánh giá không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

Từ năm học 2019 – 2020 đến nay, đơn vị có 96,96% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp ở mức khá trở lên và 60,6% giáo viên đạt mức tốt (theo quy định có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt) [H2-2.2-04], [H2-2.2-05].

Trong năm học 2022-2023 có 10 sáng kiến đạt cấp cơ sở [H2-2.2-07].

2. Điểm mạnh

Đội ngũ giáo viên được đào tạo chính quy, đạt chuẩn về trình độ (100% đạt chuẩn); được phân công công tác phù hợp với chuyên môn đào tạo nên chất lượng giáo dục của nhà trường được nâng lên đáng kể đặc biệt là chất lượng mũi nhọn.

3. Điểm yếu

Số lượng giáo viên của nhà trường đạt trên chuẩn còn ít, do còn khó khăn về tài chính khi tham gia học các lớp cao học.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2023 – 2024 nhà trường tiếp tục xây dựng kế hoạch cử giáo viên tham gia học cao học. Đồng thời nghiên cứu các giải pháp để hỗ trợ, động viên, khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho các giáo viên muốn tham gia học cao học.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên

Mức 1:

a) Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công;

b) Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực;

c) Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

Mức 2:

a) Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

a) Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm;

b) Hằng năm, được tham gia đầy đủ các khóa, lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có đủ nhân viên theo quy định tại Thông tư liên tịch số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 7 năm 2017 về việc Hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập. Cụ thể, nhà trường có 05 nhân viên thực hiện đảm bảo các nhiệm vụ phục vụ cho hoạt động giảng dạy giáo dục, trong đó 01 nhân viên làm công tác kế toán; 01 nhân viên văn thư kiêm thủ quỹ; 01 nhân viên thiết bị; 01 nhân viên y tế và 01 nhân viên thư viện. Ngoài ra, nhà trường còn hợp đồng với 02 nhân viên bảo vệ và 01 nhân viên tạp vụ, có sự đồng ý của Sở GD&ĐT Đắk Nông [H2-2.3-01]. Số lượng nhân viên của nhà trường đáp ứng các nhiệm vụ được giao [H2-2.3-04].

Nhân viên nhà trường được phân công công việc phù hợp với chuyên môn nghiệp vụ, năng lực thực tế của mỗi người [H2-2.3-02].

Nhân viên nhà trường hoàn thành các nhiệm vụ được giao, góp phần cùng nhà trường thực hiện tốt nhiệm vụ thể hiện ở kết quả đánh giá, xếp loại nhân viên hằng năm [H2-2.3-04]; hồ sơ thi đua khen thưởng [H1-1.2-02].

Mức 2:

Nhà trường có đủ số lượng và cơ cấu nhân viên theo quy định tại Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12/7/2017 của Bộ GD&ĐT hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập (có hiệu lực thi hành kể từ ngày 28 tháng 8 năm 2017) [H2-2.3-01].

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá nhà trường không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên [H2-2.3-03].

Mức 3:

Nhân viên của nhà trường có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm. Cụ thể: Nhân viên kế toán có bằng Thạc sĩ Kế toán; nhân viên văn thư có bằng trung cấp văn thư; nhân viên thiết bị có bằng đại học chuyên ngành Ngữ văn và chứng chỉ thiết bị, thí nghiệm; nhân viên y tế có bằng Trung cấp Dược; nhân viên thư viện có bằng trung cấp thư viện [H2-2.3-05], [H2-2.3-06]. Nhân viên bảo vệ được phổ biến nội quy, quy định bảo vệ trường, được trang bị các dụng cụ hỗ trợ làm việc và được tham gia tập huấn phòng cháy, chữa cháy [H2-2.3-07].

Hàng năm, được tham gia đầy đủ các khóa, lớp huấn luyện, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí [H2-2.3-06], [H2-2.3-07].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ nhân viên theo quy định, được phân công công việc phù hợp với chuyên môn nghiệp vụ, năng lực thực tế của mỗi người, hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

3. Điểm yếu

Một số nhân viên làm việc chưa thật khoa học nên hiệu quả công việc chưa cao. Nhân viên thiết bị không phù hợp với chuyên môn được đào tạo.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Các nhân viên không ngừng học tập, chăm chỉ làm việc, tìm các giải pháp để nâng cao hiệu quả công việc, đáp ứng yêu cầu của đời sống.

Trên cơ sở đội ngũ nhân viên sẵn có, phân công hợp lý hơn nữa việc thực thi nhiệm vụ để nâng cao hiệu quả công tác và hoàn thành nhiệm vụ được giao.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh

Mức 1:

- a) Đảm bảo về tuổi học sinh theo quy định;*
- b) Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định;*
- c) Được đảm bảo các quyền theo quy định.*

Mức 2:

Học sinh vi phạm các hành vi không được làm được phát hiện kịp thời, được áp dụng các biện pháp giáo dục phù hợp và có chuyển biến tích cực.

Mức 3:

Học sinh có thành tích trong học tập, rèn luyện có ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động của lớp và nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hàng năm nhà trường tuyển sinh số lượng học sinh đầu cấp theo chỉ tiêu kế hoạch phát triển giáo dục của Bộ và Sở giáo dục và tất cả học sinh của trường đều đảm bảo quy định về độ tuổi học sinh tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 33 của Điều lệ trường trung học [H2-2.4-01], [H2-2.4-02].

Học sinh nhà trường thực hiện các nhiệm vụ theo quy định Điều lệ trường trung học. Thực hiện nhiệm vụ học tập, rèn luyện theo chương trình, kế hoạch giáo dục của nhà trường; kính trọng cha mẹ, thầy giáo, cô giáo, cán bộ, nhân viên của nhà trường và những người lớn tuổi; đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau trong học tập, rèn luyện; thực hiện điều lệ, nội quy nhà trường; chấp hành pháp luật của Nhà nước; thực hiện trật tự an toàn giao thông; rèn luyện thân thể, giữ gìn vệ sinh cá nhân; tích cực tham gia các hoạt động tập thể của trường, của lớp, của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh; giúp đỡ gia đình và tham gia các công tác xã hội như hoạt động bảo vệ môi trường, chăm sóc cây hoa, tham gia các hoạt động

nhân đạo, từ thiện chia sẻ với cộng đồng; giữ gìn, bảo vệ tài sản của nhà trường góp phần xây dựng, bảo vệ và phát huy truyền thống của nhà trường, được thể hiện qua các hình ảnh về hoạt động của học sinh nhà trường [H2-2.4-03], [H2-2.4-07]; sở chủ nhiệm [H1-1.5-02], và các báo cáo sơ kết, tổng kết [H1-1.1-04].

Học sinh được nhà trường đảm bảo các quyền theo quy định của Điều 35,

Điều lệ trường trung học; được bình đẳng trong việc hưởng thụ giáo dục toàn diện; được bảo đảm những điều kiện về thời gian, cơ sở vật chất, vệ sinh, an toàn để học tập ở lớp, tự học ở nhà; được cung cấp thông tin về việc học tập của mình; được sử dụng trang thiết bị, phương tiện phục vụ các hoạt động học tập, văn hoá, thể thao của nhà trường theo quy định; được tôn trọng và bảo vệ; được đối xử bình đẳng, dân chủ; được quyền khiếu nại với nhà trường và các cấp quản lý giáo dục về những quyết định đối với bản thân mình; được quyền học chuyển trường khi có lý do chính đáng theo quy định hiện hành; được học trước tuổi, học vượt lớp, học ở tuổi cao hơn tuổi quy định theo Điều 33 của Điều lệ trường trung học; được tham gia các hoạt động nhằm phát triển năng khiếu về các môn học, thể thao, nghệ thuật do nhà trường tổ chức nếu có đủ điều kiện; được giáo dục kỹ năng sống; được nhận trợ cấp khác theo quy định đối với những học sinh được hưởng chính sách xã hội, những học sinh có khó khăn về đời sống và những học sinh có năng lực đặc biệt [H2-2.4-08], [H2-2.4-12].

Mức 2:

Nhà trường có các biện pháp tuyên truyền, phổ biến tới toàn thể học sinh ngay từ đầu khóa học, đầu mỗi năm học các nội quy, quy định của nhà trường về nề nếp, kỷ cương, trật tự trường học thể hiện qua bảng nội quy các lớp học, phòng học bộ môn, các pa nô khẩu hiệu tuyên truyền ở cổng trường, sân trường; nói chuyện, tư vấn quy tắc ứng xử của học sinh; định hướng về trang phục, đầu tóc, hình ảnh và nêu các quy định học sinh phải thực hiện tốt, những việc không được làm. Nhà trường chỉ đạo làm tốt công tác chủ nhiệm, công tác phối hợp giữa giáo viên chủ nhiệm với giáo viên bộ môn, với Đoàn Thanh niên, với các đoàn thể trong nhà trường, với cha mẹ học sinh; hoạt động tự quản của học sinh các lớp nên nhà trường nắm bắt được tâm lý lứa tuổi và các sự vụ ngay từ ban đầu để có các biện pháp ngăn ngừa phát hiện và xử lý kịp thời các tình huống có nguy cơ bạo lực hoặc vi phạm pháp luật của học sinh [H2-2.4-05]; [H5-5.1-13], [H5-5.5-06].

Mức 3:

Học sinh nhà trường có thành tích trong học tập, rèn luyện luôn có ảnh hưởng tích cực trong các hoạt động của lớp và nhà trường giúp các bạn cùng tiến bộ, đóng góp vào thành tích chung của nhà trường. Những học sinh có năng khiếu các môn văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, hoạt động Đoàn được tạo cơ hội khẳng định và tạo nên các hoạt động sân chơi bổ ích, lành mạnh cuốn hút nhiều học sinh tham gia. Nhà trường có nhiều hình thức để ghi nhận, khen thưởng, động viên các học sinh có thành tích trong học tập và rèn luyện [H2-2.4-12]; [H5-5.1-13], [H5-5.1-11].

2. Điểm mạnh

HS nhà trường bảo đảm đúng độ tuổi quy định tại các khoản 1,2 và 3 Điều 33 của Điều lệ trường trung học. Đa số HS thực hiện tốt nhiệm vụ; hành vi, ngôn ngữ ứng xử, trang phục theo đúng quy định.

3. Điểm yếu

Vẫn còn hiện tượng HS vi phạm nề nếp học tập như: quy định đồng phục, tác phong, giờ giấc...do đặc điểm dân cư phân bố rộng HS ở xa trường nên không chủ động được về mặt thời gian, một bộ phận HS ở trọ thiếu sự quan tâm của gia đình.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tăng cường sự phối hợp giữa các tổ chức trong nhà trường, giữa nhà trường với CMHS để làm tốt công tác giáo dục đạo đức, rèn luyện kỹ năng sống, kỹ năng ứng xử cho HS và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm, tái phạm.

Tăng cường hoạt động của chủ nhiệm lớp; kiểm tra việc thực hiện nề nếp của HS theo kế hoạch hoặc đột xuất; theo dõi và uốn nắn kịp thời những thiếu sót của HS về đạo đức, chuyên cần, chấp hành nội quy kỷ luật và các quy định khác của trường; kiểm tra việc tổ chức sinh hoạt lớp vào 15 phút đầu giờ và sinh hoạt chủ nhiệm vào ngày thứ bảy hằng tuần; quản lý HS trong những tiết vắng giáo viên và trong tất cả các HĐGD của nhà trường; xây dựng những loại sổ sách phục vụ cho công tác quản lý HS.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Kết luận về Tiêu chuẩn 2:

Đội ngũ cán bộ quản lý của nhà trường có tuổi đời còn trẻ, được đào tạo chính qui về nghiệp vụ quản lý trường học, năng động, sáng tạo, làm việc có khoa học.

Đội ngũ CBGVNV nhà trường đảm bảo về số lượng, cơ cấu khá hợp lý và chất lượng không ngừng được nâng cao: Có phẩm chất đạo đức, tâm huyết với nghề, đạt chuẩn về trình độ chuyên môn đào tạo theo qui định. Đội ngũ được bố trí công việc phù hợp nên mỗi cá nhân phát huy tốt khả năng, năng lực phục vụ cho sự nghiệp dục của nhà trường.

HS của nhà trường đảm bảo về độ tuổi, thực hiện nghiêm túc quy định về nhiệm vụ, hành vi, ngôn ngữ ứng xử, trang phục... đã tạo được nét văn hóa đặc trưng riêng của nhà trường.

Tuy nhiên tuổi nghề của đội ngũ cán bộ quản lý còn ít, chưa có nhiều kinh nghiệm trong công tác quản lý nhà trường nên đôi khi cũng gặp một số khó khăn.

Vẫn còn hiện tượng HS vi phạm nề nếp học tập như: quy định đồng phục, tác phong, giờ giấc...do đặc điểm dân cư phân bố rộng HS ở xa trường nên không chủ động được về mặt thời gian, một bộ phận HS ở trọ thiếu sự quan tâm của gia đình.

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:

- + Không đạt: 0/4 tiêu chí chiếm 0 %
- + Đạt Mức 1: 4/4 (4/4) tiêu chí chiếm 100 %
- + Đạt Mức 2: 4/4 (4/4) tiêu chí chiếm 100 %
- + Đạt Mức 3: 4/4 (4/4) tiêu chí chiếm 100 %

Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học

Mở đầu:

Trường THPT Phan Đình Phùng được thành lập từ năm 2010, trường đứng chân tại địa bàn thôn Đăk Kual, xã Đăk N’drung, huyện Đăk Song, tỉnh Đăk Nông, là xã thuộc diện xã đặc biệt khó khăn nên phần nào nhà trường cũng được sự quan tâm của các cấp ngành về đầu tư cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học phục vụ tương đối tốt cho HĐGD, nhưng

điều kiện đường sá đi lại, thông thương còn gặp nhiều khó khăn ảnh hưởng đến việc đi học của học sinh trên địa bàn. Nhà trường có khuôn viên riêng biệt, cơ sở vật chất được xây dựng và cải tạo nâng cấp khang trang: có đủ khối phòng học, khối phòng bộ môn (gồm có phòng thực hành lý, hóa, sinh, phòng học tiếng anh, phòng tin học), khối phòng hành chính. Điều kiện cơ sở vật chất – kỹ thuật của nhà trường về tối thiểu đảm bảo phục vụ tương đối qui mô HĐGD. Hiện tại, nhà trường có các khối phòng phục vụ học tập (gồm nhà tập đa năng, thư viện, phòng hoạt động Đoàn,...), khối phòng hành chính - quản trị (gồm phòng làm việc của Hiệu trưởng, các Phó Hiệu trưởng, văn phòng, phòng họp toàn thể cán bộ, giáo viên và nhân viên nhà trường, phòng đợi của giáo viên, phòng y tế trường học, phòng của tổ chức Công đoàn). Nhà trường có khu để xe dành riêng cho cán bộ giáo viên và HS, khu nhà vệ sinh cho giáo viên và HS được bố trí khá hợp lý, an toàn, thuận tiện cho việc sử dụng và được giữ gìn vệ sinh sạch sẽ, có sân chơi bãi tập và cây xanh bóng mát, tạo được môi trường xanh - sạch - đẹp, là điều kiện thuận lợi phục vụ dạy – học, đảm bảo cho mục tiêu phát triển CLGD.

Nhà trường luôn có kế hoạch sử dụng, khai thác hiệu quả cơ sở vật chất và trang thiết bị phục vụ tối đa cho hoạt động dạy học cũng như hoạt động thí nghiệm thực hành của nhà trường.

Nhà trường đã nhận bàn giao thiết bị dạy học của ba khối lớp (10, 11, 12) từ năm 2010 đến 2023 và đưa vào sử dụng trong hoạt động thực hành thí nghiệm của nhà trường. Trong những năm qua, nhà trường đã triển khai hoạt động thực hành thí nghiệm theo nội dung chương trình do Bộ GD & ĐT quy định (Theo Phân phối chương trình chi tiết bậc THPT).

Nhà trường hiện chưa có đủ trang thiết bị giáo dục và đồ dùng dạy học tối thiểu theo quy định của Bộ GD&ĐT; đồng thời chưa được trang bị thêm hàng năm và bảo quản chưa tốt.

Các thiết bị giáo dục, đồ dùng dạy học được sử dụng hiệu quả đã phát huy tác dụng góp phần nâng cao chất lượng dạy và học.

Nhà trường luôn có kế hoạch kiểm tra, đánh giá tình hình cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học của nhà trường nhằm có sự phân công quản lý, phụ trách, tu sửa, bảo trì kịp thời, sử dụng đúng, có hiệu quả, không lãng phí, làm cho những cơ sở vật chất hiện có của nhà trường phục vụ tốt, tối đa cho công tác dạy học.

Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, khu sân chơi, bãi tập

Mức 1:

- a) Khuôn viên đảm bảo xanh, sạch, đẹp, an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục;
- b) Có cổng trường, biển tên trường và tường hoặc rào bao quanh;
- c) Khu sân chơi, bãi tập có đủ thiết bị tối thiểu, đảm bảo an toàn để luyện tập thể dục, thể thao và các hoạt động giáo dục của nhà trường.

Mức 2:

Khu sân chơi, bãi tập đáp ứng yêu cầu tổ chức các hoạt động giáo dục.

Mức 3:

Các trường nội thành, nội thị có diện tích ít nhất 6m²/học sinh; các trường khu vực nông thôn có diện tích ít nhất 10m²/học sinh; đối với trường trung học được thành lập sau

năm 2001 đảm bảo có diện tích mặt bằng theo quy định. Khu sân chơi, bãi tập có diện tích ít nhất bằng 25% tổng diện tích sử dụng của trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Trường THPT Phan Đình Phùng có một khu riêng được đặt trong môi trường thuận lợi cho giáo dục tổng diện tích sử dụng của trường là 22.505 m² đủ theo tiêu chuẩn quy định, đáp ứng được yêu cầu tổ chức các HĐGD [H3-3.1-01]. Nhà trường đã xây dựng được môi trường cảnh quan trường lớp xanh - sạch - đẹp, thoáng mát theo qui định. Đặc biệt từ năm học 2012– 2013 và 2019-2020 hưởng ứng phong trào thi đua “Xây dựng trường học thân thiện, HS tích cực”, việc tôn tạo cảnh quan sư phạm càng được chú trọng nhằm xây dựng môi trường học tập thân thiện, lành mạnh có cây xanh bóng mát, sạch, đẹp [H5-5.5-10].

Trường có cổng trường đảm bảo yêu cầu an toàn, thẩm mỹ; Biển tên trường [H3-3.1-03] đúng theo điều 5 Điều lệ trường trung học . Trường có tường và hàng rào bao quanh hàng rào cao tối thiểu 1,8m.

Nhà trường có sân chơi, bãi tập theo quy định: Khu sân chơi có hoa, có cây xanh bóng mát, chầu cảnh, ghế đá luôn đảm bảo vệ sinh sạch sẽ, làm tăng thêm nét mỹ quan trường học và phục vụ tốt các hoạt động vui chơi. Trường có khu bãi tập đảm bảo an toàn, có đủ các thiết bị luyện tập thể dục thể thao, học tập bộ môn GDQP – AN và đảm bảo an toàn cho HS[H3-3.1-05], [H3-3.2-04].

Mức 2:

Nhà trường có sân chơi rộng rãi, thoáng đẹp với bồn cây, lối đi được bố trí hợp lý, phù hợp để tổ chức các lễ hội, chào cờ đầu tuần, hoạt động ngoài giờ lên lớp (NGLL)[H3-3.1-05], [H3-3.2-02].

Mức 3:

Nhà trường có diện tích hơn 40 m²/học sinh; có sân chơi bãi tập đạt trên 25% tổng diện tích sử dụng, có trang thiết bị tối thiểu để phục vụ việc luyện tập của học sinh theo quy định [H3-3.5-01], [H3-3.1-05].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đủ diện tích để bố trí khuôn viên với đủ các hạng mục công trình tối thiểu. Có sân trường lát gạch sạch sẽ, có cây xanh bóng mát. Nhà trường có cổng, có tường rào kiên cố khang trang.

3. Điểm yếu

Khu luyện tập thể dục thể thao chưa được quy hoạch khoa học. Thiết bị trên sân chơi bãi tập chưa phong phú, đa dạng. Vị trí sân chơi bãi tập chưa thuận tiện.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm 2023 và các năm tiếp theo, nhà trường tích cực tham mưu với các cấp, các ngành, huy động các nguồn vốn nhà nước, tài trợ hợp pháp để trang bị thêm và nâng cấp những trang thiết bị, tu sửa các công trình đã xuống cấp nhằm phục vụ tốt nhất công tác quản lý và giảng dạy. Nhà trường xây dựng quy hoạch tổng thể, đề xuất các giải pháp về kinh phí để xây dựng, nâng cấp, cải tạo khu luyện tập thể dục thể thao và sân chơi bãi tập thuận tiện, khang trang.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3**Tiêu chí 3.2: Phòng học***Mức 1:*

a) Phòng học có đủ bàn ghế phù hợp với tầm vóc học sinh, có bàn ghế của giáo viên, có bảng viết, đủ điều kiện về ánh sáng, thoáng mát; đảm bảo học nhiều nhất là hai ca trong một ngày;

b) Có đủ phòng học bộ môn theo quy định;

c) Có phòng hoạt động Đoàn - Đội, thư viện và phòng truyền thống.

Mức 2:

a) Phòng học, phòng học bộ môn được xây dựng đạt tiêu chuẩn theo quy định, đảm bảo điều kiện thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập;

b) Khối phục vụ học tập, đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường và theo quy định.

Mức 3:

Các phòng học, phòng học bộ môn có đủ các thiết bị dạy học theo quy định. Có phòng để tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh hoàn cảnh đặc biệt (nếu có).

1. Mô tả hiện trạng*Mức 1:*

Nhà trường có 16 phòng học có đủ bàn ghế phù hợp với tầm vóc học sinh, có bàn ghế của giáo viên, có bảng viết (bảng từ), đủ điều kiện về ánh sáng, thoáng mát; đảm bảo học nhiều nhất là hai ca trong một ngày [H3-3.2-02], [H3-3.2-01].

Khối phòng học bộ môn: Có 08 phòng học bộ môn đang và sắp đưa vào sử dụng gồm 01 phòng thực hành Lý, 01 phòng thực hành Hóa, 01 phòng thực hành Sinh, 01 phòng thực hành Tin học và 01 phòng học tiếng Anh, 01 phòng học công nghệ, trong đó 01 phòng thực hành tin và phòng học Tiếng Anh được trang bị đầy đủ về máy tính của giáo viên và học sinh, máy chiếu; các phòng bộ môn còn lại thiết bị còn hạn chế [H3-3.2-02], [H3-3.2-03], [H3-3.5-06].

Nhà trường có phòng hoạt động Đoàn vị trí thuận lợi, đầy đủ trang thiết bị; thư viện đầy đủ các đầu sách giáo khoa và sách tham khảo, phòng truyền thống có không gian sạch, đẹp được trang trí hài hòa, ý nghĩa [H3-3.6-05].

Mức 2:

Phòng học được kiên cố hóa từ 2010, đạt chuẩn 18 phòng thuộc dãy nhà ba tầng; phòng học bộ môn mới được xây dựng đạt tiêu chuẩn theo quy định thiết kế, nhà trường đưa vào sử dụng từ năm học 2018-2019, các phòng đều đảm bảo điều kiện thuận lợi cho học sinh khuyết tật hòa nhập [H3-3.2-02] [H3-3.2-03] [H3-3.2-04].

Khối phục vụ học tập gồm 01 nhà tập đa năng, 01 thư viện, 01 phòng truyền thống, 01 phòng đồ dùng thiết bị giảng dạy (các phòng học bộ môn thuộc dãy nhà mới xây dựng đều có ngăn chứa đồ dùng, thiết bị và là nơi chuẩn bị dụng cụ, thiết bị thí nghiệm của tiết học) đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường và theo quy định [H3-3.2-02], [H3-3.2-03], [H3-3.2-04],

Mức 3:

Nhà trường có 08 phòng học phòng bộ môn nhưng chưa có đủ các thiết bị dạy học theo quy định [H3-3.5-02] [H3-3.5-07].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã xây dựng đủ số lượng phòng học và trang bị đầy đủ thiết bị tối thiểu phục vụ yêu cầu dạy và học theo qui định.

Nhà trường luôn có kế hoạch kiểm tra, đánh giá của các bộ phận chuyên trách về cơ sở vật chất của nhà trường nhằm có sự phân công quản lý, phụ trách, tu sửa, bảo trì kịp thời, sử dụng đúng, có hiệu quả, không lãng phí, làm cho những cơ sở vật chất hiện có của nhà trường phục vụ tốt, tối đa cho công tác dạy học.

Các khối phòng phục vụ học tập, phòng làm việc đáp ứng yêu cầu phục vụ dạy học và các hoạt động giáo dục khác của nhà trường.

Việc quản lý, sử dụng các khối phòng, các loại thiết bị văn phòng thực sự có hiệu quả và đúng theo các quy định hiện hành.

3. Điểm yếu

- Một số chuyên mục cơ sở vật chất hạ tầng phục vụ cho công tác dạy và học của nhà trường đã và đang bị xuống cấp như bàn ghế, quạt, bóng điện... việc tu bổ, mua bổ sung chưa thực hiện kịp thời.

Phòng truyền thống chưa được trang bị đạt yêu cầu, sách tại thư viện còn hạn chế.

Nhà trường hiện có phòng học bộ môn đạt chuẩn nhưng bàn ghế, thiết bị hiện chưa có để sử dụng đạt hiệu quả tốt.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2022 -2023 nhà trường xây dựng kế hoạch tu bổ và sửa chữa các chuyên mục cơ sở vật chất phục vụ cho công tác dạy và học đang bị xuống cấp.

Đề xuất với cấp có thẩm quyền để tăng cường cơ sở vật chất (CSVC) cho phòng học bộ môn.

Trang bị thêm các đầu sách, máy tính để thư viện đáp ứng được nhu cầu mượn, đọc của giáo viên và học sinh

Nâng cấp phòng truyền thống, phòng họp Liên tịch nhằm phát huy hiệu quả phục vụ các hoạt động giáo dục của nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 3.3: Khối hành chính - quản trị

Mức 1:

- a) *Đáp ứng yêu cầu tối thiểu các hoạt động hành chính - quản trị của nhà trường;*
- b) *Khu để xe được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự;*
- c) *Định kỳ sửa chữa, bổ sung các thiết bị khối hành chính - quản trị.*

Mức 2:

Khối hành chính - quản trị theo quy định; khu bếp, nhà ăn, nhà nghỉ (nếu có) phải đảm bảo điều kiện sức khỏe, an toàn, vệ sinh cho giáo viên, nhân viên và học sinh.

Mức 3:

Khối hành chính - quản trị có đầy đủ các thiết bị được sắp xếp hợp lý, khoa học và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng**Mức 1:**

Nhà trường có đầy đủ các phòng đáp ứng yêu cầu tối thiểu của hoạt động hành chính, quản trị của nhà trường: có 02 phòng học tin, 01 phòng thiết bị giáo dục, có phòng truyền thống và phòng Đoàn [H3-3.3-01], [H3-3.2-01], [H3-3.2-02], [H3-3.2-03].

Nhà trường có khu để xe cho giáo viên, cán bộ, nhân viên; có đủ lán xe cho học sinh, được phân riêng từng khối, từng lớp được bố trí hợp lý đảm bảo an toàn, trật tự [H3-3.3-02].

Nhà trường bổ sung, sửa chữa các thiết bị khối hành chính – quản trị theo định kỳ [H3-3.3-03].

Mức 2:

Trường THPT Phan Đình Phùng có các khối phòng phục vụ học tập đảm bảo cho việc học của HS: Có 18 phòng học, 08 phòng học bộ môn, 02 phòng thực hành, 02 phòng chuyên dùng, 02 phòng tin học, 01 phòng thư viện, 01 phòng học tiếng anh phục vụ học tập; khối phòng hành chính - quản trị có một khu riêng gồm: 1 phòng hiệu trưởng, 2 phòng phó hiệu trưởng, 1 phòng kế toán – thủ quỹ, 1 phòng văn thư - lưu trữ, bảo quản hồ sơ HS, 1 phòng họp giao ban mở rộng, 1 phòng đợi của giáo viên, 1 phòng công đoàn, 1 phòng y tế, 1 nhà đa năng [H3-3.2-02], [H3-3.2-03], [H3-3.2-04], [H3-3.3-01]. Các khối phòng phục vụ học tập, khối phòng hành chính – quản trị có đủ phòng làm việc; có đầy đủ bàn ghế, kệ tủ và các trang thiết bị làm việc của hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, văn phòng, phòng họp toàn thể cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên; có phòng giáo viên, phòng y tế học đường, phòng thường trực, nhà kho và các phòng khác đảm bảo quy cách theo quy định.

Trường THPT Phan Đình Phùng có trang thiết bị y tế tối thiểu đáp ứng đủ điều kiện phục vụ cho công tác y tế trường học theo quy định: có phòng y tế riêng diện tích 34m² đáp ứng đủ yêu cầu nghỉ ngơi của HS, có trang thiết bị y tế tối thiểu và tủ thuốc với các loại thuốc thiết yếu theo quy định đảm bảo đủ yêu cầu sơ cứu ban đầu [H1-1.6-08].

Có khu nội trú dành cho giáo viên với 8 phòng, nhà trường không có khu bếp, nhà ăn.

Mức 3:

Nhà trường có các loại máy văn phòng phục vụ công tác quản lý và giảng dạy; 2 máy tính Aser, 4 máy chiếu, 4 máy in canon 2900, 1 máy Photo copy TOSHIBA, 1 máy phô tô Richcol 4055; 1 máy phát điện Honda, 3 ổ áp Lioa, 2 ampli, 4 loa, 2 micro, 3 tủ đựng hồ sơ; Máy tính có nối mạng internet phục vụ các HĐGD đáp ứng yêu cầu giảng dạy, học tập. Nhà trường có sự phân công giáo viên phụ trách, quản lý các trang thiết bị (các loại máy văn phòng), đưa vào sử dụng và khai thác có hiệu quả và thường xuyên kiểm tra, đánh giá tình hình quản lý, sử dụng các khối phòng và trang thiết bị kèm theo. [H1-1.6-09].

2. Điểm mạnh

Có các khối phòng, cơ sở vật chất thiết yếu đảm bảo cho mục tiêu phát triển CLGD. Có khối phòng học đủ đảm bảo cho việc học 2 buổi/ ngày. Khối phòng hành chính đáp ứng đủ nhu cầu sử dụng của cán bộ, giáo viên nhà trường.

Trường có phòng y tế, nhân viên y tế có trình độ trung cấp thường trực phục vụ nhu cầu sơ cứu ban đầu cho cán bộ giáo viên, HS.

Nhà trường trang bị các loại máy văn phòng và máy tính có kết nối mạng internet nội bộ nhằm phục vụ cho các HĐGD cũng như nhu cầu khai thác thông tin của CBGVNV của nhà trường.

3. Điểm yếu

Thiết bị của phòng khối hành chính – quản trị đã cũ, hoạt động kém hiệu quả (máy tính, máy foto thường xuyên bị lỗi...).

Công tác y tế trường học còn hạn chế do số lượng thuốc chưa phong phú; thiếu một số thiết bị và dụng cụ y tế để đảm bảo tốt công tác sơ cấp cứu. Do thiếu các loại tủ để bảo quản thuốc nên thuốc dễ bị ẩm mốc, hư hỏng do phòng ẩm.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường tích cực tham mưu với các cấp, các ngành huy động các nguồn vốn Nhà nước và các nguồn tài trợ hợp pháp để nâng cấp, mua sắm thiết bị mới nhằm phục vụ tốt nhất công tác quản lý, giảng dạy đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình giáo dục phổ thông 2018 trong năm học 2023-2024 và những năm tiếp theo. Có kế hoạch bổ sung thêm trang thiết bị phục vụ hoạt động giáo dục của nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước

Mức 1:

a) Khu vệ sinh riêng cho nam, nữ, giáo viên, nhân viên, học sinh đảm bảo không ô nhiễm môi trường; khu vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập;

b) Có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống cấp nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và học sinh;

c) Thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường.

Mức 2:

a) Khu vệ sinh đảm bảo thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định;

b) Hệ thống cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có một khu vệ sinh của giáo viên (02 phòng) trong khu nhà Hiệu bộ; 01 khu vệ sinh của học sinh, mỗi khu có 5 phòng nam và 5 phòng nữ được bố trí thuận tiện, đảm bảo điều kiện làm việc học tập cho giáo viên, nhân viên và học sinh. Khu vệ sinh học sinh gồm nhà vệ sinh mái tôn kiên cố; đạt tiêu chuẩn xây dựng. Các khu vệ sinh luôn được cung cấp đầy đủ nước sạch, đủ ánh sáng, được vệ sinh thường xuyên và không ô nhiễm môi trường [H3-3.4-01].

Hệ thống thoát nước của nhà trường do sử dụng nhiều năm các nắp cống đã hỏng nên còn hạn chế trong việc thoát nước khi trời mưa to. Mặt khác, do hệ thống mương xung

quanh trường đã không còn thông thoáng. Nhà trường có nước máy, có hệ thống máy lọc nước đã xét nghiệm đạt chuẩn để cho học sinh và cán bộ giáo viên dùng [H3-3.4-02].

Nhà trường có thuê nhân viên vệ sinh trường lớp hàng ngày, thu gom rác. Có các thùng đựng rác để ở các vị trí hợp lý [H3-3.4-02], [H3-3.4-03].

Mức 2:

Các khu vệ sinh luôn được cung cấp đầy đủ nước sạch, đủ ánh sáng và không ô nhiễm môi trường, đảm bảo thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định.

Nhà trường có hệ thống nước giếng khoan, lắp đặt máy lọc cung cấp nước uống đảm bảo quy định của Bộ Y tế và Bộ Giáo dục [H3-3.4-04].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có khu vệ sinh sạch sẽ, đảm bảo điều kiện làm việc học tập cho giáo viên và nhân viên; hợp đồng thuê lao công quét dọn sân trường sạch sẽ hàng ngày.

Nhà trường có hệ thống nước máy, nước lọc được kiểm nghiệm đạt chuẩn.

3. Điểm yếu

Việc phân loại rác thải còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường tiếp tục duy trì các nguồn cung cấp nước sạch, vệ sinh môi trường thường xuyên đảm bảo sạch, an toàn. Cán bộ, GV, NV tăng cường giáo dục HS ý thức sử dụng tiết kiệm tài nguyên và giữ gìn vệ sinh môi trường qua hoạt động dưới cờ, giờ ngoại khóa, tích hợp trong các môn học. Nhà trường lắp đặt các biển báo, pano tuyên truyền thực hiện phân loại rác thải trước khi mang đi xử lý.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 3.5: Thiết bị

Mức 1:

a) Có đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường;

b) Có đủ thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu tối thiểu theo quy định;

c) Hằng năm các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa.

Mức 2:

a) Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học;

b) Có đủ thiết bị dạy học theo quy định;

c) Hằng năm, được bổ sung các thiết bị dạy học và thiết bị dạy học tự làm.

Mức 3:

Phòng thí nghiệm hoặc khu vực thực hành (nếu có) đủ thiết bị đảm bảo hoạt động thường xuyên và hiệu quả; thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm được khai thác, sử dụng hiệu quả đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ cho hoạt động của nhà trường [H3-3.5-01], [H3-3.5-04].

Nhà trường chưa được trang bị đủ thiết bị dạy học tối thiểu; cùng với các thiết bị hiện có của nhà trường, thiết bị dạy học được sắp xếp khoa học tại các phòng học bộ môn và 01 phòng chứa thiết bị của nhà trường [H3-3.5-02].

Hàng năm các thiết bị được kiểm kê và có kế hoạch sửa chữa thiết bị hư hỏng [H3-3.3-03].

Mức 2:

Nhà trường có hệ thống máy tính được kết nối Internet; wifi được phủ sóng miễn phí toàn trường phục vụ tốt công tác quản lý, hoạt động dạy, học của giáo viên và học sinh [H3-3.5-04].

Nhà trường chưa có đủ thiết bị giáo dục, đồ dùng dạy học tối thiểu; có các biện pháp bảo quản thiết bị giáo dục, đồ dùng dạy học để phục vụ công tác giảng dạy [H3-3.5-02], [H3-3.5-03].

Hàng năm, nhà trường có kế hoạch khuyến khích giáo viên tự tạo đồ dùng; đầu tư mua sắm và bảo quản, tu sửa thiết bị, đồ dùng bị hỏng, tiêu hao. Xây dựng nội quy sử dụng thiết bị nhằm sử dụng các thiết bị có hiệu quả nhất [H3-3.5-03].

Mức 3:

Phòng bộ môn các môn học có thí nghiệm, thực hành chưa đủ thiết bị để đảm bảo hoạt động thường xuyên và hiệu quả; thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm chưa được khai thác, sử dụng hiệu quả đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường [H1-1.6-06].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ đồ dùng thiết bị tối thiểu đảm bảo phục vụ cho công tác giảng dạy của giáo viên; đồng thời được trang bị thêm hàng năm và được bảo quản tốt. Giáo viên sử dụng thiết bị dạy học tối thiểu phục vụ giảng dạy và học tập trong các giờ lên lớp phục vụ công tác giảng dạy và học tập tạo cho HS hứng thú, tiếp thu bài tốt hơn.

Có đầu tư trang thiết bị hiện đại phục vụ việc dạy, học.

3. Điểm yếu

Nhà trường được xây mới 08 phòng bộ môn đã đưa vào khai thác, sử dụng trong năm học 2019 - 2020 nhưng hiện chưa có bàn ghế, thiết bị đạt chuẩn trong phòng.

Một số thiết bị chưa đảm bảo chất lượng nên dễ hỏng sau khi sử dụng. Một số thiết bị chất lượng chưa tốt, độ chính xác không cao dẫn đến giáo viên khó khăn khi làm các thí nghiệm.

Đồ dùng dạy học tự làm của giáo viên còn ít, chất lượng chưa cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường đề nghị cấp có thẩm quyền tạo điều kiện để mua sắm thiết bị, hoá chất để các phòng bộ môn đạt chuẩn theo quy định.

Khuyến khích giáo viên tự làm đồ dùng dạy học, quản lý, khai thác, sử dụng tốt đồ dùng dạy học đạt hiệu quả.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 3.6: Thư viện

Mức 1:

a) Được trang bị sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu phục vụ hoạt động nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của nhà trường;

b) Hoạt động của thư viện đáp ứng yêu cầu tối thiểu về nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh;

c) Hàng năm thư viện được kiểm kê, bổ sung sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo.

Mức 2:

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học đạt chuẩn trở lên.

Mức 3:

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học tiên tiến trở lên; hệ thống máy tính của thư viện được kết nối Internet đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Thư viện trường THPT Phan Đình Phùng có phòng đọc với diện tích 60 m². Về cơ bản đã đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, học tập của cán bộ giáo viên nhân viên và HS [H3-3.6-05]. Hàng năm, thư viện được bổ sung thêm các loại sách, báo, tạp chí, tài liệu tham khảo, sách pháp luật để phục vụ nhu cầu nghiên cứu, học tập và tìm kiếm thông tin của CBGVNV và HS. Việc bổ sung hàng năm được thực hiện dựa trên đề xuất của các tổ chuyên môn, các bộ phận nhằm phục vụ tốt các HĐGD của nhà trường [H3-3.6-01], [H3-3.6-03]. Tuy nhiên chưa có giấy chứng nhận thư viện đạt tiêu chuẩn thư viện trường phổ thông theo quy định của Bộ GD & ĐT. Hàng năm, thư viện nhà trường nhận SGK từ Sở GD & ĐT để cấp phát cho HS dân tộc thiểu số và HS theo chế độ cấp phát miễn phí.

Hoạt động của thư viện đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, dạy học của CBGVNV và HS trong trường mục sách thư viện [H3-3.6-01]; Nhằm phục vụ nhu cầu nghiên cứu, dạy học, thư viện nhà trường đã xây dựng được Mục lục sách thư viện nhằm đáp ứng nhu cầu tra cứu, tìm tài liệu của cán bộ, giáo viên, nhân viên và HS một cách kịp thời, nhanh chóng [H3-3.6-04].

Hàng năm, thư viện được kiểm kê, bổ sung thêm các loại sách, tài liệu tham khảo, sách pháp luật để phục vụ nhu cầu nghiên cứu, học tập và tìm kiếm thông tin của CBGVNV và học sinh. Việc bổ sung hàng năm được thực hiện dựa trên đề xuất của các tổ chuyên môn và các dự án cấp phát của Sở GD&ĐT [H3-3.6-01].

Mức 2:

Thư viện của nhà trường chưa đạt Thư viện trường học chuẩn.

Mức 3:

Thư viện của nhà trường chưa đạt Thư viện trường học tiên tiến trở lên.

2. Điểm mạnh

Thư viện trường được đặt ở vị trí thuận tiện, yên tĩnh cho bạn đọc đến với thư viện.

Phòng đọc sạch sẽ, thoáng mát, yên tĩnh.

Thái độ phục vụ của cán bộ thư viện đối với bạn đọc tốt.

3. Điểm yếu

Số đầu sách tham khảo có trong thư viện còn chưa nhiều, chưa đa dạng.

Việc tuyên truyền giới thiệu sách chưa thường xuyên, việc đọc tại chỗ của giáo viên và học sinh còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Xây dựng kế hoạch mua bổ sung thêm các loại sách, tài liệu tham khảo, sách pháp luật phù hợp nhu cầu học tập hiện nay của giáo viên và học sinh.

Thực hiện việc mượn, trả sách đúng quy định.

Thực hiện tuyên truyền, giới thiệu sách bằng các hoạt động, hình thức phù hợp với đối tượng học sinh THPT.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 1

Kết luận về Tiêu chuẩn 3:

Trường THPT Phan Đình Phùng có khuôn viên riêng biệt, môi trường trong lành thoáng mát. Trường có đủ phòng học, bàn ghế giáo viên, học sinh, bảng viết theo quy định. Thư viện nhà trường cơ bản có đủ tài liệu, sách giáo khoa, sách giáo viên, sách bài tập, sách tham khảo để phục vụ cho việc giảng dạy và học tập.

Việc quản lý, sử dụng và bảo quản các khối phòng và trang thiết bị giáo dục được thực hiện tốt đã phát huy tác dụng tích cực trong việc nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện của nhà trường.

Phong trào xây dựng nhà trường xanh, sạch, đẹp, an toàn được chú trọng thực hiện thường xuyên với những giải pháp cụ thể mang tính ngắn hạn và dài hạn.

Trường THPT Phan Đình Phùng có khuôn viên riêng biệt, môi trường trong lành thoáng mát. Trường có đủ phòng học, bàn ghế giáo viên, học sinh, bảng viết theo quy định. Thư viện nhà trường cơ bản có đủ tài liệu, sách giáo khoa, sách giáo viên, sách bài tập, sách tham khảo để phục vụ cho việc giảng dạy và học tập.

Việc quản lý, sử dụng và bảo quản các khối phòng và trang thiết bị giáo dục được thực hiện tốt đã phát huy tác dụng tích cực trong việc nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện của nhà trường.

Phong trào xây dựng nhà trường xanh, sạch, đẹp, an toàn được chú trọng thực hiện thường xuyên với những giải pháp cụ thể mang tính ngắn hạn và dài hạn.

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:

+ Không đạt: 0/6 tiêu chí chiếm 0 %

+ Đạt Mức 1: 6/6 (6/6) tiêu chí chiếm 100 %

+ Đạt Mức 2: 5/6 (5/6) tiêu chí chiếm 83.4 %

+ Đạt Mức 3: 3/6 (2/5) tiêu chí chiếm 50 %

Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội

Mở đầu:

Mối quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội là sự phối hợp chặt chẽ giữa 3 môi trường giáo dục được nhà trường luôn chú trọng và duy trì tốt. Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội tốt sẽ tạo ra thế đứng vững chắc cho sự tồn tại và phát triển của nhà trường, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục, hạn chế những ảnh hưởng tác động xấu của xã hội đến học sinh, đồng thời đáp ứng, phục vụ tốt nhu cầu phát triển nguồn nhân lực của địa phương. Trường THPT Phan Đình Phùng nằm ở thôn Đăk Kual 5 – xã Đăk ND’rưng – huyện Đak Song, đời sống nhân dân còn nhiều khó khăn, điều kiện học tập của HS còn nhiều khó khăn, địa bàn dân cư thưa thớt trải rộng trên nhiều thôn, bon, trình độ dân trí còn thấp. Các em HS đi học chủ yếu bằng xe đạp, một phần phải ở trọ. PHHS ở xa nên việc bám sát, quan tâm đến việc học tập, rèn luyện và mối liên lạc với nhà trường còn khó khăn; tuy nhiên nhà trường cũng đã có ban đại diện CMHS thống nhất với nhà trường về mục tiêu, giải pháp giáo dục HS; Ban đại diện CMHS công tâm, nhiệt tình với mọi hoạt động của nhà trường. Nhà trường cùng với GVCN thường xuyên chủ động giữ mối liên hệ với gia đình, xã hội trong quá trình giáo dục HS và thực hiện công tác xã hội hóa giáo dục.

Nhà trường chủ động tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương và phối hợp với các tổ chức đoàn thể ở địa phương để huy động nguồn lực xây dựng nhà trường và môi trường giáo dục. Ngoài ra nhà trường phối hợp với các tổ chức đoàn thể của địa phương, huy động sự tham gia của cộng đồng để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa dân tộc cho HS và thực hiện mục tiêu, kế hoạch giáo dục.

Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh

Mức 1:

a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh;

b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.

Mức 2:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh; huy động học sinh đến trường, vận động học sinh đã bỏ học trở lại lớp.

Mức 3:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Mỗi lớp đều có một Ban đại diện CMHS gồm 03 thành viên (trưởng ban, Phó ban, thư ký) được bầu trong hội nghị CMHS đầu năm của lớp; trường có Ban đại diện CMHS gồm 07 thành viên do Hội nghị CMHS toàn trường bầu ra [H4-4.1-01]. Ban đại diện CMHS

trường đã cử ra Thường trực ban gồm 03 thành viên (01 trưởng ban, 01 phó ban, 1 thư ký). Công tác xây dựng tổ chức, nguyên tắc hoạt động, chức năng nhiệm vụ, trách nhiệm của Ban đại diện CMHS trường THPT Phan Đình Phùng được thực hiện theo đúng Quy định tại các Điều 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10 của Thông tư 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 của Bộ trưởng Bộ GD & ĐT về ban hành Điều lệ hoạt động của Ban đại diện CMHS và tại khoản 1, Điều 44, Điều lệ trường trung học. Đầu năm học, nhà trường tiến hành họp CMHS theo lớp. Qua các buổi họp, BGH, GVCN đã thông báo đến CMHS các nhiệm vụ và kế hoạch của nhà trường; bàn giải pháp phối hợp giáo dục [H4-4.1-03], [H4-4.1-04].

Ban đại diện CMHS trường có kế hoạch hoạt động theo năm học [H4-4.1-03]. Nhà trường luôn tạo điều kiện để Ban đại diện CMHS hoạt động theo kế hoạch như họp thường trực, cung cấp thông tin, kế hoạch phát triển của nhà trường. Giáo viên chủ nhiệm lớp thường xuyên gặp gỡ, trao đổi với CMHS để cùng tham gia chăm lo giáo dục học sinh nhất là những em có hoàn cảnh khó khăn hoặc chậm tiến bộ trong học tập. Ban đại diện CMHS trường đã phối hợp với nhà trường chăm lo công tác giáo dục học sinh, động viên, khen thưởng học sinh đạt thành tích cao trong học tập, trong các phong trào hội thi và tham gia các hoạt động ngoài giờ lên lớp [H4-4.1-02] [H4-4.1-05].

Ban đại diện CMHS trường tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ, được đại diện phụ huynh các lớp thông báo đến các phụ huynh tại cuộc họp phụ huynh học sinh giữa kỳ, cuối năm học [H4-4.1-02] [H4-4.1-05].

Mức 2:

Ban đại diện CMHS trường THPT Phan Đình Phùng đã phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh; huy động học sinh đến trường, vận động học sinh đã bỏ học trở lại lớp [H4-4.1-10].

Mức 3:

Ban đại diện cha mẹ học sinh đã phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện [H4-4.1-10].

2. Điểm mạnh

Ban đại diện CMHS các lớp, Ban đại diện CMHS trường được tổ chức, thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn theo đúng Điều lệ Ban đại diện CMHS. Ban đại diện CMHS trường đã làm tốt công tác phối hợp với nhà trường trong công tác quản lý HS cũng như giáo dục đạo đức, tác phong, rèn kỹ năng sống cho học sinh; đồng thời xây dựng và triển khai có hiệu quả công tác xã hội hóa giáo dục để hỗ trợ kinh phí, đầu tư trang thiết bị học tập, khích lệ tinh thần học tập của HS trong các hội thi, các hoạt động trải nghiệm, ngoại khóa,... Sự phối hợp gắn kết giữa Ban đại diện CMHS với GVCN lớp và nhà trường đã góp phần nâng cao hiệu quả các hoạt động giáo dục HS.

3. Điểm yếu

Công tác lưu trữ hồ sơ không đầy đủ, các kế hoạch và báo cáo chưa chi tiết, chưa rõ ràng.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường tiếp tục tạo điều kiện cho Ban đại diện CMHS trường, lớp thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ, quyền, trách nhiệm theo Điều lệ Ban đại diện CMHS; phối, kết hợp với Ban đại diện CMHS lớp, Ban đại diện CMHS trường trong việc báo cáo và lưu giữ các kế

hoạch hoạt động, quy chế phối hợp, Nghị quyết và các loại hồ sơ của Ban đại diện CMHS hằng năm một cách đầy đủ, khoa học.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường

Mức 1:

a) Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;

b) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục; về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường;

c) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.

Mức 2:

a) Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển;

b) Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao và các nội dung giáo dục khác cho học sinh; chăm sóc di tích lịch sử, cách mạng, công trình văn hóa; chăm sóc gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng, Bà mẹ Việt Nam anh hùng ở địa phương.

Mức 3:

Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Đầu mỗi năm học, nhà trường có kế hoạch cụ thể phối hợp với Đảng ủy, chính quyền và các tổ chức đoàn thể địa phương để tổ chức phối hợp các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện nhà trường; phối hợp với các đoàn thể địa phương về công tác tuyển sinh lớp 10 THPT, thi THPTQG; phối hợp với các đơn vị có thẩm quyền tổ chức tuyên truyền đến học sinh, phụ huynh học sinh, cho học sinh ký cam kết đảm bảo an ninh trật tự khi tham gia giao thông; không buôn bán, sử dụng, vận chuyển pháo [H4-4.2-04], [H4-4.2-11].

Nhà trường tuyên truyền để nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành giáo dục, về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường bằng nhiều hình thức khác nhau (qua các cuộc họp, qua các phương tiện truyền thông,...)[H4-4.2-04]; .

Nhà trường huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định. Hằng năm huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực tự nguyện, theo quy định của các tổ chức, cá nhân để xây dựng cơ sở vật chất; khen thưởng học sinh học giỏi, học sinh có thành tích xuất sắc khác, hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh khó khăn, góp phần tu sửa CSVC nhà trường [H4-4.2-05].

Mức 2:

Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường từng bước thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển [H1-1.1-01].

Nhà trường phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao và các nội dung giáo dục khác cho học sinh; chăm sóc di tích lịch sử, cách mạng, công trình văn hóa; chăm sóc gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng, bà mẹ Việt Nam anh hùng ở địa phương [H4-4.2-10] [H4-4.2-08].

Mức 3:

Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương. Trường là địa điểm tin cậy để tổ chức các sự kiện văn hóa lớn như phát động tháng Thanh niên, diễn đàn “Thanh niên với tình bạn đẹp và nói không với bạo lực học đường [H4-4.2-13].

2. Điểm mạnh

Nhà trường phối hợp tốt với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân của địa phương để xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh. Nhà trường đã huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực tự nguyện của các tổ chức, cá nhân để xây dựng cơ sở vật chất; khen thưởng HS học giỏi, HS có thành tích xuất sắc, hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh khó khăn.

3. Điểm yếu

Chưa có nhiều biện pháp huy động thường xuyên và tối đa các nguồn lực từ các tổ chức và cá nhân để phát triển nhà trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Hàng năm, nhà trường tiếp tục xây dựng kế hoạch cụ thể về việc tham mưu với cấp ủy Đảng chính quyền địa phương để tăng cường mọi điều kiện phát triển nhà trường; phối hợp chặt chẽ với các tổ chức đoàn thể, tổ chức xã hội nghề nghiệp, doanh nghiệp và cá nhân khi thực hiện các hoạt động giáo dục. Phối hợp tốt hơn nữa với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân của địa phương để xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3**Kết luận về Tiêu chuẩn 4:**

Nhà trường thực hiện tốt công tác phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội; thường xuyên phối hợp với các tổ chức, đoàn thể ngoài nhà trường, tạo được sự đồng thuận, thống nhất trong công tác giáo dục toàn diện cho học sinh. Nhà trường thường xuyên tuyên truyền để tăng thêm sự hiểu biết trong cộng đồng về nội dung, phương pháp và cách đánh giá học sinh, tạo điều kiện cho cộng đồng tham gia thực hiện mục tiêu và kế hoạch giáo dục.

Nhà trường nằm ở vùng nông nghiệp thuần túy, cuộc sống của học sinh và phụ huynh còn khó khăn, không có các doanh nghiệp và các tổ chức kinh doanh lớn nên huy động các nguồn lực ủng hộ về xây dựng cơ sở vật chất, nâng cấp xây dựng cảnh quan môi trường; khuyến học, khuyến tài của nhà trường gặp nhiều khó khăn.

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:

- + Không đạt: 0/2 tiêu chí chiếm 0 %
- + Đạt Mức 1: 2/2 (2/2) tiêu chí chiếm 100 %
- + Đạt Mức 2: 2/2 (2/2) tiêu chí chiếm 100 %
- + Đạt Mức 3: 2/2 (2/2) tiêu chí chiếm 100 %

Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục

Mở đầu:

Nhà trường đã bám sát theo quy định, hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, Sở GD&ĐT để xây dựng và thực hiện tốt kế hoạch thời gian năm học, kế hoạch các hoạt động giáo dục. Hoạt động đổi mới phương pháp dạy học và đổi mới kiểm tra đánh giá được chú trọng nhằm nâng cao chất lượng giáo dục trí dục, phát huy phẩm chất năng lực của học sinh. Duy trì các hoạt động dự giờ, hội giảng, viết sáng kiến kinh nghiệm, thi giáo viên giỏi, thi thiết kế đồ dùng dạy học, tích cực sử dụng thiết bị dạy học. Công tác chủ nhiệm được quan tâm nhằm nâng cao hiệu quả quản lý học sinh, thúc đẩy động lực cho học sinh giỏi và giúp đỡ các học sinh yếu kém vươn lên trong rèn luyện đạo đức và học tập.

Các hoạt động ngoại khóa về văn nghệ, thể dục thể thao, giáo dục giá trị sống và kỹ năng sống thường xuyên được tổ chức lồng ghép trong các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp giúp các em hiểu biết hơn và có nhiều kinh nghiệm trong cuộc sống từ đó tự điều chỉnh bản thân để có các hành vi ứng xử phù hợp.

Qua đó, chất lượng giáo dục của nhà trường đã có sự chuyển biến về mọi mặt: tỷ lệ lên lớp thẳng, tỷ lệ học sinh giỏi, học sinh tiên tiến hằng năm đều tăng, kết quả học sinh giỏi cấp tỉnh các môn văn hóa, thể dục thể thao và tham gia các hội thi khác có hiệu quả.

Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông

Mức 1:

a) Tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục theo quy định, đảm bảo mục tiêu giáo dục;

b) Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học, tổ chức hoạt động dạy học đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường; bồi dưỡng phương pháp tự học, nâng cao khả năng làm việc theo nhóm và rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn;

c) Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh đa dạng đảm bảo khách quan và hiệu quả.

Mức 2:

a) Thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục; lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của học sinh;

b) Phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện.

Mức 3:

Hằng năm, rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và hoạt động giáo dục theo quy định của chương trình giáo dục. Ngay từ đầu các năm học nhà trường tổ chức xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường theo định hướng bám sát các mục tiêu giáo dục, đáp ứng được quan điểm chỉ đạo của Đảng của tinh thần Nghị quyết số 29-NQ/TW về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo cũng như các hướng dẫn tổ chức thực hiện của Bộ. Sau khi được Sở GD&ĐT Đắk Nông phê duyệt, nhà trường triển khai thực hiện tới các tổ nhóm và cán bộ giáo viên, nhân viên trong đơn vị. Căn cứ kế hoạch giáo dục của nhà trường, các tổ xây dựng kế hoạch giáo dục, kế hoạch hoạt động chuyên môn theo đúng quy định [H5-5.1-02], [H5-5.1-04].

Giáo viên xây dựng nội dung chương trình giáo dục nhà trường theo định hướng phát triển năng lực phẩm chất học sinh, vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực vào các tiết dạy, tổ chức hoạt động dạy học tích cực đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường [H1-1.8-01]; . Tăng cường bồi dưỡng phương pháp tự học, nâng cao khả năng làm việc theo nhóm và rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn [H5-5.1-09].

Nhà trường thực hiện đa dạng các hình thức kiểm tra và phù hợp với đặc trưng yêu cầu của bộ môn, thực hiện đánh giá thường xuyên đối với học sinh: đánh giá ý thức học tập trên lớp; đánh giá qua hồ sơ học tập; đánh giá qua việc học sinh báo cáo kết quả thực hiện một dự án học tập, nghiên cứu khoa học, kỹ thuật, báo cáo kết quả thực hành, thí nghiệm; đánh giá qua bài thuyết trình kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập [H5-5.1-12]. Thực hiện nghiêm túc việc xây dựng đề thi, kiểm tra giữa kỳ, cuối học kỳ, cuối năm học theo ma trận. Đề kiểm tra bao gồm các câu hỏi, bài tập (tự luận hoặc trắc nghiệm) theo 4 mức độ yêu cầu: nhận biết, thông hiểu, vận dụng, vận dụng cao. Nội dung kiểm tra yêu cầu vận dụng kiến thức liên môn vào thực tiễn; tăng cường ra các câu hỏi mở, gắn với thời sự quê hương, đất nước đối với các môn khoa học xã hội để học sinh được bày tỏ chính kiến của mình về các vấn đề kinh tế, chính trị, xã hội [H5-5.1-05].

Mức 2:

Từ năm học 2019- 2020, nhà trường tổ chức cho các nhóm chuyên môn xây dựng chương trình giáo dục nhà trường, các tổ xây dựng kế hoạch giáo dục theo định hướng phát triển năng lực phẩm chất học sinh; đến năm học 2020-2021; 2021-2022 đã áp dụng chương trình giáo dục nhà trường ở tất cả các môn học: rà soát sắp xếp lại thành các chủ đề dạy học dành thời lượng cho thực hành; đảm bảo mục tiêu giáo dục, đáp ứng được quan điểm chỉ đạo của Đảng và các hướng dẫn tổ chức thực hiện của Bộ. Sau khi phê duyệt nhà trường triển khai thực hiện tới các tổ, nhóm chuyên môn [H5-5.1-03], [H5-5.1-08].

Những năm qua nhà trường quan tâm công tác bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, trong đó phát triển học sinh có năng khiếu thể thao, học sinh giỏi các môn văn hóa, giáo viên xây dựng kế hoạch bồi dưỡng học sinh giỏi văn hóa, thể dục thể thao, kế hoạch phụ đạo học sinh yếu kém, học sinh khó khăn nhằm bồi dưỡng năng khiếu và nâng cao chất lượng giáo dục [H5-5.1-09]. Kết quả công tác bồi dưỡng học sinh giỏi các môn văn hóa còn

chưa được như mong muốn, mới đạt kết quả khá tốt trong việc bồi dưỡng học sinh giỏi các môn thể dục thể thao [H5-5.1-11], [H5-5.1-13].

Mức 3:

Về chuyên môn, hằng tháng nhà trường tiến hành rà soát, đánh giá việc thực hiện kế hoạch giảng dạy của mỗi giáo viên đánh giá thêm về chất lượng xây dựng kế hoạch giáo dục theo phương hướng đổi mới, nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy [H5-5.1-02], [H5-5.1-03], [H5-5.1-04]. Tuy nhiên, việc phân tích, đánh giá, điều chỉnh chuyên môn còn hạn chế, chưa đi sâu vào được cốt lõi của vấn đề tồn tại.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có kế hoạch, chỉ đạo thực hiện việc giảng dạy từng môn học theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, của Sở GD&ĐT. BGH kiểm tra, ký duyệt kế hoạch hoạt động của các tổ chuyên môn và kế hoạch giảng dạy của các bộ môn, chỉ đạo cho các tổ trưởng chuyên môn ký duyệt giáo án của GV theo kế hoạch định kỳ và kiểm tra đột xuất. Việc kiểm tra, đánh giá thường xuyên hàng tháng của BGH giúp GV nâng cao hơn ý thức thực hiện theo đúng kế hoạch giảng dạy và học tập, nâng cao chuyên môn nghiệp vụ để hoàn thành tốt nhiệm vụ giảng dạy được giao. Công tác kiểm tra đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của HS có nhiều thay đổi tích cực, đảm bảo đánh giá khách quan, trung thực. Công tác bồi dưỡng HS năng khiếu được triển khai trong từng năm học.

3. Điểm yếu

Việc rà soát tiến độ chương trình, thực hiện điều chỉnh kế hoạch ở một số bộ môn đôi khi còn chưa chủ động linh hoạt. 58 Việc đánh giá học sinh bằng nhận xét một số môn ở một số lớp còn chung chung chưa chỉ rõ được điểm mạnh, điểm yếu, sự tiến bộ của từng cá nhân.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

BGH nhà trường tiếp tục đánh giá, rà soát lại những biện pháp, giải pháp đã thực hiện nhưng chưa có hiệu quả với từng bộ môn, từng hoạt động giáo dục cụ thể; từ đó điều chỉnh, bổ sung giải pháp cải tiến chất lượng, phân công bộ phận hoặc cá nhân thực hiện, điều kiện thực hiện, thời gian hoàn thành, phù hợp với đặc điểm tình hình của nhà trường và động viên được tinh thần làm việc của đội ngũ. Tiếp tục rà soát, điều chỉnh quy chế đánh giá viên chức đảm bảo công bằng, có giải pháp xử lý đối với những giáo viên không thực hiện nghiêm túc những chỉ đạo của nhà trường. Thực hiện cho từng cá nhân CB, GV, NV ký cam kết thi đua, cam kết đảm bảo chất lượng giáo dục nhà trường. Đồng thời, động viên và tạo điều kiện để giáo viên có thể thực hiện được kế hoạch bồi dưỡng.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện

Mức 1:

a) Có kế hoạch giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện;

b) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện;

c) Hằng năm rà soát, đánh giá các hoạt động giáo dục học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện.

Mức 2:

Học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện đáp ứng được mục tiêu giáo dục theo kế hoạch giáo dục.

Mức 3:

Nhà trường có học sinh năng khiếu về các môn học, thể thao, nghệ thuật được cấp có thẩm quyền ghi nhận.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Đầu mỗi năm học nhà trường tập hợp danh sách những học sinh có hoàn cảnh khó khăn như con hộ nghèo, hộ cận nghèo, hoàn cảnh đặc biệt khác; rà soát học sinh có năng khiếu thể dục thể thao, học sinh giỏi các môn, học sinh học yếu, kém; học sinh khuyết tật từ đó xây dựng kế hoạch giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh gặp khó khăn trong học tập [H5-5.2-01], [H5-5.2-03].

Nhà trường chỉ đạo các giáo viên chủ nhiệm tiến hành phân loại từng đối tượng học sinh trong lớp mình ngay từ đầu năm học trong đó học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học lực yếu được quan tâm giúp đỡ về vật chất và tinh thần [H5-5.2-01]. Học sinh có năng khiếu môn thể thao được giáo viên môn thể dục bồi dưỡng, học sinh giỏi văn hóa được bố trí bồi dưỡng theo sự phân công của nhà trường, đồng thời kêu gọi động viên hỗ trợ từ các nguồn khác nhau để động viên các em như khen thưởng của hội Khuyến học huyện, khen thưởng của Ban đại diện cha mẹ học sinh và các nguồn khuyến học từ các tổ chức xã hội khác. Qua đó tạo động lực và góp phần không nhỏ vào kết quả và mục tiêu giáo dục đề ra [H5-5.1-11], [H5-5.1-13].

Cuối năm học, nhà trường tiến hành rà soát, đánh giá hoạt động giáo dục cho học sinh hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu trong các đội tuyển học sinh giỏi văn hóa, thể dục thể thao và trong các hoạt động phong trào khác [H5-5.1-12].

Mức 2:

Với việc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch nghiêm túc, hàng năm kết quả đã giảm tối đa tỷ lệ học sinh yếu kém, không để học sinh phải nghỉ học do hoàn cảnh khó khăn, kết quả công tác bồi dưỡng học sinh giỏi đạt được mục tiêu đề ra từ đầu năm [H5-5.2-07], [H5-5.1-12].

Mức 3:

Trong những năm gần đây, nhà trường luôn chú trọng trong công tác bố trí các giáo viên có năng lực lựa chọn bồi dưỡng từ lớp 10 đến lớp 12 nên nhiều năm nhà trường đều có giải chính thức học sinh giỏi văn hóa cấp tỉnh, cấp quốc gia; học sinh giỏi thể dục thể thao có giải cấp huyện, cấp tỉnh, các hoạt động văn hóa văn nghệ của cá nhân và tập thể học sinh nhà trường được các đoàn thể ban ngành cấp trên ghi nhận [H5-5.1-11], [H5-5.1-13].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đầy đủ các kế hoạch và triển khai tốt việc bồi dưỡng HS có năng khiếu; chủ động trong việc phân loại đối tượng HS, phân công những GV có trách nhiệm cao trong việc giúp đỡ HS, bồi dưỡng HS có năng khiếu. Số HS đạt giải trong các kỳ thi

HSG các bộ môn văn hóa, các kỳ thi khác đã được nâng lên về chất lượng giải và giữ ổn định trong các năm. Chất lượng giáo dục nhà trường đang từng bước giữ ổn định và nâng lên. Nhà trường thực hiện đúng, đủ các chế độ chính sách cho HS có hoàn cảnh khó khăn.

3. Điểm yếu

Do chất lượng đội ngũ giáo viên ở các bộ môn chưa đồng bộ, thời gian dạy chính khóa ở một số GV còn nhiều nên thời gian dành cho công tác phụ đạo HS còn ít. Chưa có học sinh mũi nhọn các môn khoa học tự nhiên.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường tiếp tục làm tốt việc bồi dưỡng HS năng khiếu; thực hiện đúng, đủ chế độ chính sách cho HS có hoàn cảnh khó khăn. Rà soát, đánh giá, phân loại đội ngũ GV, xây dựng đội ngũ GV cốt cán, chú trọng các hoạt động nhằm nâng cao chất lượng chuyên môn nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 5.3: Thực hiện nội dung giáo dục địa phương theo quy định

Mức 1:

- a) Nội dung giáo dục địa phương cho học sinh được thực hiện theo kế hoạch;
- b) Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh về nội dung giáo dục địa phương đảm bảo khách quan và hiệu quả;
- c) Hằng năm, rà soát, đánh giá, cập nhật tài liệu, đề xuất điều chỉnh nội dung giáo dục địa phương.

Mức 2:

Nội dung giáo dục địa phương phù hợp với mục tiêu môn học và gắn lý luận với thực tiễn.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường thực hiện nội dung giáo dục địa phương đối với các môn học theo hướng dẫn số 5977/BGDĐT-GDTrH ngày 07/7/2008 của Bộ GD&ĐT, Tiếp tục thực hiện chương trình Giáo dục địa phương các môn Ngữ văn, Địa lý, Lịch sử, Giáo dục công dân [H5-5.3-02], đưa nội dung giáo dục Công viên địa chất toàn cầu của Đắk Nông vào chương trình Tài liệu giáo dục địa phương CT GDPT mới từ lớp 10 đến lớp 12 [H5-5.3-03].

Nhà trường luôn coi trọng công tác kiểm tra, đánh giá kết quả của việc thực hiện nội dung giáo dục địa phương. Các hình thức kiểm tra và đánh giá học sinh đa dạng về hình thức như: Kiểm tra miệng, tích hợp trong bài kiểm tra định kỳ, báo cáo kết quả nghiên cứu của học sinh [H5-5.3-05]. Về chất lượng và nội dung giáo dục địa phương được giáo viên giảng dạy thực hiện nghiêm túc, đảm bảo khách quan và hiệu quả .

Hằng năm nhà trường luôn chú trọng việc rà soát, đánh giá, cập nhật tài liệu, đề xuất điều chỉnh nội dung giáo dục địa phương được giảng dạy một cách hợp lý phù hợp với đối tượng học sinh và điều kiện địa phương học sinh đang sinh sống [H5-5.3-06].

Mức 2:

Nội dung giáo dục địa phương đã góp phần thực hiện mục tiêu môn học, gắn lý luận với thực tiễn. Trong kế hoạch giảng dạy, ngoài việc liên hệ với thực tiễn hoạt động kinh tế

- xã hội, văn hoá, lịch sử địa phương; nội dung các bài dạy đảm bảo nội dung giáo dục địa phương ở các phần:

Giảng dạy các tiết học (bài, môđun, chủ đề...) đã quy định dành cho giáo dục địa phương;

Đưa nội dung giáo dục địa phương thành một phần của tiết học (bài, môđun, chủ đề...) [H5-5.3-02].

2. Điểm mạnh

Nhà trường chỉ đạo giáo viên thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả nội dung giáo dục địa phương, kiểm tra đánh giá nội dung giáo dục địa phương đúng quy định.

Thực hiện nghiêm túc nội dung rà soát, đánh giá việc thực hiện chương trình giáo dục địa phương theo phân phối chương trình đã quy định.

3. Điểm yếu

Một số giáo viên cập nhật thông tin của địa phương để bổ sung, thay thế cho những nội dung đã cũ trong tài liệu còn chậm, các hình thức kiểm tra đánh giá còn chưa đa dạng.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Lãnh đạo nhà trường quan tâm chỉ đạo thực hiện đầy đủ nội dung giáo dục địa phương đối với các môn học theo qui định.

Tiếp tục đầu tư thời gian, kinh phí để các tổ nhóm chuyên môn sưu tầm tài liệu giáo dục địa phương, phục vụ cho các tiết dạy đạt hiệu quả giáo dục truyền thống cao. Cập nhật kịp thời tài liệu giáo dục địa phương của cấp trên ban hành, tham khảo và khai thác các nội dung về giáo dục địa phương thông qua sách báo và tin tức của địa phương.

Khuyến khích giáo viên và học sinh sưu tầm bổ sung các tư liệu, tranh ảnh, bản đồ về địa phương để nâng cao hiệu quả bài học.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 5.4: Các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp

Mức 1:

a) Có kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo quy định và phù hợp với điều kiện của nhà trường;

b) Tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo kế hoạch;

c) Phân công, huy động giáo viên, nhân viên trong nhà trường tham gia các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

Mức 2:

a) Tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp với các hình thức phong phú phù hợp học sinh và đạt kết quả thiết thực;

b) Định kỳ rà soát, đánh giá kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường đã xây dựng kế hoạch hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp theo từng tháng gắn liền với các chủ đề trong các năm học từ 2019-2020 đến nay; kế hoạch hoạt động trải nghiệm từ năm học 2019 – 2020 đến nay và đặc biệt kế hoạch giáo dục hướng nghiệp cho học sinh được xây dựng theo từng năm học trong đó chú trọng đến các em học sinh khối 12 [H5-5.4-04]. Chú trọng việc tư vấn lựa chọn nghề nghiệp cho học sinh trung học phổ thông theo Quyết định 1094/QĐ-UBND ngày 17/7/2018 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giai đoạn 2018-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

Từ năm học 2020 - 2021 đến năm học 2022- 2023, nhà trường thực hiện hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp theo kế hoạch, tổ chức cho học sinh thực hiện các hoạt động gắn liền với các chủ đề chủ điểm từng tháng dưới hình thức sân khấu hóa. Nhà trường đã tuyên truyền để tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động trải nghiệm đối với học sinh, trong đó đa dạng các hình thức trải nghiệm, hoạt động hướng nghiệp cho học sinh khối lớp 12 được triển khai theo đợt nhằm giúp các em có sự chuẩn bị tốt nhất là bước khởi đầu quan trọng cho sự định hướng và dự định tiếp theo [H5-5.4-02].

Trong các hoạt động giáo dục ngoài giờ và hướng nghiệp, nhà trường huy động các giáo viên chủ nhiệm tham gia quản lý và phụ trách nội dung các hoạt động được tổ chức trong phạm vi của lớp; phân công giáo viên môn Giáo dục công dân phụ trách nội dung các hoạt động tổ chức phạm vi rộng.

Mức 2:

Nhà trường chỉ đạo các bộ phận tổ chức trong đó đa dạng hình thức trải nghiệm: Phạm vi trong giờ học với các tiết thực hành thí nghiệm khám phá tìm tòi phát hiện kiến thức; các hoạt động ngoài giờ như câu lạc bộ văn nghệ, tập thể dục giữa giờ, thi đấu thể thao [H5-5.4-02].

Sau mỗi đợt tổ chức hoạt động ngoài giờ nhà trường đánh giá việc thực hiện kế hoạch từ đó đánh giá thực trạng, đề ra giải pháp cho năm học tiếp theo thực hiện tốt hơn.

2. Điểm mạnh

Hiệu trưởng nhà trường đã triển khai cho các giáo viên ở các bộ môn liên quan thực hiện các nội dung giáo dục địa phương ngay từ đầu năm học.

Nội dung giáo dục địa phương được điều chỉnh, bổ sung và cập nhật kịp thời gắn với thực tiễn trong quá trình dạy học.

Nhà trường luôn quan tâm tạo mọi điều kiện thuận lợi để học sinh được học ngoài giờ, tham gia các hoạt động trải nghiệm, thi nghề phổ thông.

3. Điểm yếu

Việc giáo dục địa phương cho học sinh bằng hình thức tham quan thực tế hay trải nghiệm thực hiện còn hạn chế.

Tài liệu giáo dục địa phương, giáo dục bảo tồn bản sắc dân tộc còn ít và chưa phong phú về thể loại cũng như đầu sách.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Lãnh đạo nhà trường quan tâm chỉ đạo thực hiện đầy đủ nội dung giáo dục địa phương đối với các môn học theo qui định.

Phối hợp với cha mẹ học sinh trong công tác tổ chức các hoạt động tham quan thực tế, trải nghiệm các nội dung về giáo dục địa phương.

Tăng cường công tác chỉ đạo, cập nhật các số liệu về địa phương nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện các nội dung giáo dục địa phương phù hợp với thực tiễn.

Bổ sung thêm tư liệu giáo dục địa phương vào lưu trữ thư viện cho học sinh và giáo viên tham khảo.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 5.5: Hình thành, phát triển các kỹ năng sống cho học sinh

Mức 1:

a) Có kế hoạch định hướng giáo dục học sinh hình thành, phát triển các kỹ năng sống phù hợp với khả năng học tập của học sinh, điều kiện nhà trường và địa phương;

b) Quá trình rèn luyện, tích lũy kỹ năng sống, hiểu biết xã hội, thực hành pháp luật cho học sinh có chuyển biến tích cực thông qua các hoạt động giáo dục;

c) Đạo đức, lối sống của học sinh từng bước được hình thành, phát triển phù hợp với pháp luật, phong tục tập quán địa phương và truyền thống văn hóa dân tộc Việt Nam.

Mức 2:

a) Hướng dẫn học sinh biết tự đánh giá kết quả học tập và rèn luyện;

b) Khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn của học sinh từng bước hình thành và phát triển.

Mức 3:

Bước đầu, học sinh có khả năng nghiên cứu khoa học, công nghệ theo người hướng dẫn, chuyên gia khoa học và người giám sát chỉ dẫn.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Với sự tham mưu của Đoàn trường và tổ chuyên môn xã hội, Lãnh đạo trường kiểm tra và duyệt kế hoạch giáo dục kỹ năng sống từng năm học; trong đó đa dạng hình thức giáo dục kỹ năng sống từ việc xây dựng kế hoạch bài dạy, đến tổ chức các hoạt động tập thể [H5-5.5-11].

Hoạt động giáo dục, rèn luyện kỹ năng sống cho học sinh được nhà trường tổ chức thông qua các tình huống cụ thể, tổ chức lồng ghép trong các môn học, hoạt động tập thể và các hoạt động trải nghiệm: Giáo dục học sinh ý thức chấp hành luật giao thông, cách phòng tránh tai nạn giao thông qua môn học Giáo dục công dân, bài giảng an toàn giao thông. Chú trọng các kỹ năng giao tiếp thiết yếu cho học sinh; kỹ năng ứng xử biết kiềm chế, kỹ năng hợp tác và làm việc theo nhóm [H5-5.5-05] [H5-5.5-06] [H5-5.5-10].

Các nội dung giáo dục và tư vấn về sức khỏe thể chất, tinh thần nói riêng, các hoạt động giáo dục kỹ năng sống nói chung phù hợp với tâm sinh lý lứa tuổi của học sinh có tác động tích cực tới việc hình thành nhân cách học sinh, đạo đức học sinh có chuyển biến tích cực [H1-1.5-02], [H1-1.5-03] [H2-2.4-05].

Mức 2:

Nhà trường thực hiện đa dạng hóa hình thức kiểm tra đánh giá trong đó kiểm tra định kỳ, thường xuyên, hình thức tự luận, trắc nghiệm và hướng dẫn học sinh tự đánh giá kết quả học tập và nhận xét đánh giá bài học cụ thể [H1-1.8-10].

Học sinh nhà trường từng bước vận dụng kiến thức vào thực tiễn bao gồm việc vận dụng kiến thức đã có để giải quyết các vấn đề thuộc về nhận thức và việc vận dụng kiến thức vào thực tiễn sản xuất trong đời sống, sinh hoạt hàng ngày như làm bài thực hành, làm thí nghiệm, áp dụng trong chăn nuôi, trồng trọt, giải thích các hiện tượng tự nhiên, các vấn đề sinh học trong nông nghiệp [H1-1.8-08].

Mức 3:

Hàng năm nhà trường phát động phong trào nghiên cứu khoa học trong học sinh toàn trường. Trên cơ sở hướng dẫn của giáo viên, học sinh nhà trường đã hoàn thành 02 sản phẩm tham gia dự thi cấp tỉnh [H2-2.2-06]. Tuy nhiên, nghiên cứu khoa học chưa thực sự thành phong trào đối với toàn bộ học sinh, mới chỉ có một nhóm nhỏ học sinh tham gia.

2. Điểm mạnh

Nhà trường thực hiện đa dạng các hình thức giáo dục kỹ năng sống cho học sinh.

Học sinh được giáo dục và hình thành các kỹ năng cơ bản để hình thành nhân cách công dân.

3. Điểm yếu

Tài liệu giáo dục kỹ năng sống cho học sinh còn hạn chế, giáo viên chưa được tập huấn thường xuyên về nội dung giáo dục giá trị sống và kỹ năng sống nên việc dạy lồng ghép kỹ năng sống vào các môn học còn hạn chế.

Phong trào nghiên cứu khoa học chưa được toàn bộ học sinh hưởng ứng.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Duy trì các nội dung giáo dục, rèn luyện kỹ năng sống thông qua các hoạt động học tập, hoạt động tập thể cho học sinh; rèn luyện các kỹ năng cơ bản nhất để học sinh có thể vận dụng vào cuộc sống sau này.

Tiếp tục phối kết hợp chặt chẽ với cha mẹ học sinh, các lực lượng xã hội, các tổ chức trong nhà trường để tuyên truyền giáo dục kỹ năng sống cho học sinh.

Hàng năm, nhà trường xây dựng kế hoạch đầu tư nguồn kinh phí, kêu gọi sự ủng hộ từ cha mẹ học sinh cho các hoạt động tập thể và hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp cho học sinh.

Triển khai tuyên truyền, hướng dẫn tới học sinh để học sinh tự giác có ý tưởng nghiên cứu khoa học từ đó chọn lựa những dự án khả thi, kêu gọi sự hỗ trợ từ các nhà hảo tâm, hội phụ huynh học sinh để có kinh phí hoàn thành dự án.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 5.6: Kết quả giáo dục

Mức 1:

- a) Kết quả học lực, hạnh kiểm học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường;
- b) Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường;
- c) Định hướng phân luồng cho học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường.

Mức 2:

- a) Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá;

b) Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá.

Mức 3:

a) Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh: - Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi của trường thuộc vùng khó khăn: Đạt ít nhất 05% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 20% đối với trường chuyên. - Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi của trường thuộc các vùng còn lại: Đạt ít nhất 10% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 25% đối với trường chuyên. - Tỷ lệ học sinh xếp loại khá của trường thuộc vùng khó khăn: Đạt ít nhất 30% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), 20% đối với trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 55% đối với trường chuyên. - Tỷ lệ học sinh xếp loại khá của trường thuộc các vùng còn lại: Đạt ít nhất 35% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), 25% đối với trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 60% đối với trường chuyên. - Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém của trường thuộc vùng khó khăn: không quá 10% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở) và trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông), trường chuyên không có học sinh yếu, kém. - Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém của trường thuộc các vùng còn lại: không quá 05% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở) và trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông), trường chuyên không có học sinh yếu, kém. - Đối với nhà trường có lớp tiểu học: Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt 95%; tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 90%, đối với trường thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 80%; các trẻ em 11 tuổi còn lại đều đang học các lớp tiểu học. - Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá, tốt đạt ít nhất 90% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 98% đối với trường chuyên;

b) Tỷ lệ học sinh bỏ học và lưu ban: - Vùng khó khăn: Không quá 03% học sinh bỏ học, không quá 05% học sinh lưu ban; trường chuyên không có học sinh lưu ban và học sinh bỏ học. - Các vùng còn lại: Không quá 01% học sinh bỏ học, không quá 02% học sinh lưu ban; trường chuyên không có học sinh lưu ban và học sinh bỏ học.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường luôn xác định rõ nhiệm vụ nâng cao chất lượng giáo dục là nhiệm vụ cốt lõi, đóng vai trò then chốt quyết định đến sứ mệnh và thương hiệu của nhà trường. Nhà trường chú trọng xây dựng kế hoạch từng năm học, đặt các mục tiêu chỉ tiêu cần đạt đối với giáo dục đạo đức, giáo dục văn hóa, có nhiều biện pháp tích cực để nâng cao kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh. Cụ thể như sau:

Kết quả học lực, hạnh kiểm học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường [H5-5.6-01], [H1-1.1-04].

Năm học 2022-2023:

Năm học	Kế hoạch đầu năm học	Kết quả cuối năm học
2022 – 2023		

Học lực	Giỏi 5%, Khá 45%, TB 43%, Yếu kém < 3%	Giỏi 16.88%, Khá 39.53%, TB 41,74%, Yếu kém 1,73%.
Hạnh kiểm	Tốt 86%, Khá 10%, TB 0%, Yếu < 1%	Tốt 78.56%, Khá 18,15%, TB 3.3 %, Yếu 0%

Tỷ lệ học sinh bỏ học và lưu ban năm học 2022 – 2023

Học sinh bỏ học 0 % < 1% (đạt mức 3)

Học sinh lưu ban 1.61 % < 2% (đạt mức 3)

Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp gần đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường [H5-5.6-03], [H5-5.6-02].

Năm học 2022 – 2023	Kế hoạch đầu năm học	Kết quả cuối năm học
Lên lớp	96%	98.39%
Tốt nghiệp	98%	98.97%

Công tác phân luồng học sinh được nhà trường quan tâm, hằng năm học sinh khối 12 được tuyên truyền nhận thức, ý thức nghề nghiệp trước khi dự thi THPT quốc gia nên các em chủ động định hướng việc học tập sau khi tốt nghiệp. Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2023 của trường có 62 học sinh chỉ đăng ký thi để xét tốt nghiệp (chiếm 30%) có dự định học nghề hoặc học trong các trường vừa học vừa làm [H5-5.6-03].

Mức 2:

Trong 05 năm trở lại đây, chất lượng nhà trường có chuyển biến tích cực trong đó tỷ lệ học sinh đạt loại khá, giỏi tăng dần theo từng năm học, tỷ lệ học sinh xếp học lực loại yếu giảm dần từng năm; nền nếp và kỷ luật của học sinh đã được cải thiện rõ rệt so với trước, tỷ lệ học sinh đạt hạnh kiểm tốt cũng tăng dần lên [H5-5.6-02].

Cùng với những kết quả đạt được về học lực, hạnh kiểm trong những năm gần đây thì tỷ lệ học sinh đỗ tốt nghiệp và học sinh lưu ban đều chuyển biến theo hướng tích cực tạo được niềm tin của nhân dân địa phương [H2-2.4-10], [H2-2.4-11].

Mức 3:

Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh năm học 2022 – 2023

Học lực: Loại Giỏi 16,88% > 10% (đạt mức 3)

Loại Khá 39.53% > 25% (đạt mức 3)

Loại Yếu 1,73% < 5% (đạt mức 3)

Hạnh kiểm: Loại Khá, Tốt 97,81% > 90% (đạt mức 3).

Tỷ lệ học sinh bỏ học và lưu ban năm học 2022 – 2023

Học sinh bỏ học % < 1% (đạt mức 3)

Học sinh lưu ban 1.6% < 2% (đạt mức 3).

2. Điểm mạnh

Nhà trường luôn chú trọng và có nhiều biện pháp cụ thể, thiết thực để nâng cao chất lượng đại trà, chất lượng học sinh giỏi và tỷ lệ tốt nghiệp THPT;

Hạnh kiểm, học lực, tỷ lệ học sinh lên lớp, tốt nghiệp có chuyển biến tích cực trong đó nền nếp học sinh có sự thay đổi rõ nét.

3. Điểm yếu

Trường vẫn còn học sinh xếp loại học lực yếu. Trong 05 năm gần đây vẫn còn có một lượng nhỏ học sinh bỏ học.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Chú trọng việc cải tiến xây dựng kế hoạch chỉ đạo hoạt động chuyên môn hằng năm phải cụ thể, chính xác, khoa học phù hợp với điều kiện đội ngũ và cơ sở vật chất của nhà trường. Chú trọng việc phân công chuyên môn đảm bảo đúng người, đúng việc, đúng năng lực chuyên môn, gắn trách nhiệm của cá nhân khi tập thể giao nhiệm vụ.

Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, các tổ chuyên môn tiếp tục chỉ đạo giáo viên thường xuyên, tích cực đổi mới phương pháp giảng dạy phù hợp với đặc trưng môn học, đặc điểm lứa tuổi, đối tượng học sinh, bồi dưỡng ý thức tự học trong học sinh. Sử dụng hợp lý sách giáo khoa, thiết bị dạy học và ứng dụng hợp lý công nghệ thông tin vào giảng dạy.

Chỉ đạo giáo viên thực hiện nghiêm túc việc dạy học, kiểm tra đánh giá theo hướng phát huy năng lực học sinh, theo chuẩn kiến thức kỹ năng; thực hiện nghiêm túc, hiệu quả các hoạt động bồi dưỡng học sinh giỏi và phụ đạo học sinh.

Quan tâm đến học sinh gặp khó khăn trong học tập, hỗ trợ giúp đỡ học sinh yếu, học sinh hoàn cảnh khó khăn, học sinh nhận thức chậm để các em hòa nhập cùng với tập thể lớp.

Xây dựng mối liên hệ thường xuyên giữa nhà trường với cha mẹ học sinh để có biện pháp giáo dục học sinh kịp thời, hiệu quả.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Kết luận về Tiêu chuẩn 5:

Qua đánh giá đúng thực trạng của nhà trường trong việc thực hiện chương trình giáo dục và các hoạt động giáo dục, nhà trường tự đánh giá có những ưu điểm và hạn chế cơ bản sau:

Chương trình, kế hoạch giáo dục được triển khai đúng chủ đề, chủ điểm năm học và đúng quy định của Bộ, Sở GD&ĐT có điều chỉnh trong việc thực hiện cho phù hợp với thực tiễn nhà trường.

Hàng năm nhà trường đều đạt và vượt các chỉ tiêu về chất lượng của hoạt động giáo dục theo kế hoạch xây dựng đầu năm học. Lãnh đạo đã quan tâm đôn đốc kiểm tra các hoạt động giảng dạy, học tập của giáo viên và học sinh.

Kết quả giảng dạy, học tập của giáo viên và học sinh cũng như tỷ lệ học sinh tốt nghiệp được giữ ổn định đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường và chuyển biến tích cực trong 05 năm học liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, thể hiện trong các kỳ hội giảng cấp tỉnh, trong các kì thi học sinh giỏi các môn văn hóa, thể dục thể thao, văn nghệ do các cơ quan có thẩm quyền tổ chức.

Các hoạt động ngoài giờ lên lớp được tổ chức bằng nhiều hình thức phong phú, tập trung giáo dục đạo đức, giá trị sống, kỹ năng sống nâng cao nhận thức về giáo dục địa phương cho học sinh.

Nhà trường bước đầu đã có sự rà soát, đánh giá các hoạt động giáo dục tuy nhiên còn chưa phân tích kỹ để từ đó có sự cải tiến cách thức tổ chức các hoạt động.

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:

- + Không đạt: 0/6 tiêu chí chiếm 0 %
- + Đạt Mức 1: 6/6 (6/6) tiêu chí chiếm 100 %
- + Đạt Mức 2: 6/6 (6/6) tiêu chí chiếm 100 %
- + Đạt Mức 3: 6/6 (4/4) tiêu chí chiếm 100 %

Phần III. KẾT LUẬN CHUNG

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:

- + Không đạt: 0/28 tiêu chí chiếm 0 %
- + Đạt Mức 1: (28/28) (28/28) tiêu chí chiếm 100 %
- + Đạt Mức 2: (27/28) (27/28) tiêu chí chiếm 96.5 %
- + Đạt Mức 3: (25/28) (17/20) tiêu chí chiếm 89.3 %

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 4:

- + Không đạt: 6/6 tiêu chí chiếm 100 %
- + Đạt: 0/6 tiêu chí chiếm 0 %

Căn cứ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục và quy trình, chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục mầm non, giáo dục cơ sở, giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên của BGD&ĐT, trường THPT Phan Đình Phùng tự đánh giá đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục cấp độ 1. Nhà trường kính mong được cơ quan chủ quản, cấp uỷ, chính quyền địa phương, các thành viên trong đoàn đánh giá ngoài đóng góp ý kiến để công tác tự đánh giá của nhà trường ngày càng chất lượng và hoàn thiện hơn.

Đắk Song, ngày 30 tháng 06 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG

(Ký tên, đóng dấu)

Trần Văn Hiến

Phần IV
PHỤ LỤC